



31 câu hỏi tự luận CNXH - 31 câu hỏi tự luận CNXH

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Trường Đại học Tài chính - Marketing)



Scan to open on Studocu

1. Chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì ? Khái quát quá trình phát triển của nó?

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng là biểu hiện mơ ước khát vọng về một xã hội con người được giải phóng khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở Hy Lạp – La Mã cổ đại đến tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XV. tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cận đại (từ TK XVI - TK XIX). Quá trình phát triển các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng tính chất văn chương (văn học) của các trào lưu xã hội chủ nghĩa không tưởng ngày càng giảm, tính lý luận ngày càng tăng và tính phê phán ngày càng sâu sắc và đạt đỉnh cao ở thế kỷ XIX. Tư tưởng của hầu hết các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đều muốn xoá bỏ chế độ tư hữu, mơ ước một xã hội tương lai mà quyền sở hữu tư liệu sản xuất thuộc về xã hội, mọi người đều lao động, thành quả lao động được phân phối công bằng.

2. Giá trị và hạn chế lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Những giá trị

Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đều chứa đựng một tinh thần nhân đạo cao cả khát vọng giải phóng con người khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó. Vì vậy, các nhà tư tưởng ở thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tuy nhiên, nhiều giá trị, luận điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng là cơ sở để Mác và Ăngghen kế thừa sau này.

Với các mức độ và trình độ khác nhau, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong suốt các thời kỳ từ thế kỷ thứ XVI - XVIII đều phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt. Chính vì thế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ này được gọi là “chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán” dùng để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm,... phản ánh ở mức độ khác nhau các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, đã thực sự làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa, phát triển tư tưởng chủ nghĩa xã hội lên một trình độ mới.

Không chỉ là những tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong phong trào thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động, để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới, chứ không phải là nghĩ ra từ đầu óc.

Những hạn chế và những nguyên nhân:

Các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, chỉ cần có con người tài ba xuất chúng là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng pháp luật và thực nghiệm xã hội. Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng chưa có sự chuẩn bị. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác đều đã không chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ đã không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Lực lượng ấy là giai cấp công nhân.

Những hạn chế nêu trên có tính lịch sử là điều không thể tránh khỏi. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì ? Nó được hiểu theo mấy nghĩa? Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học trong hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin?

- Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu sự vận động của xã hội tư bản, đặc biệt là trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo nghĩa hẹp: chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. (chủ nghĩa Mác – Lênin gồm có: triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học).

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo nghĩa rộng: chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác – Lênin. Bởi vì, suy cho cùng cả triết học Mác lẫn kinh tế chính trị Mác đều luận giải dẫn đến tính tất yếu của lịch sử là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lý luận xuyên suốt của chủ nghĩa xã hội khoa học: giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và xã hội cộng sản chủ nghĩa.

4. Ý nghĩa nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam hiện nay. Suy nghĩ và nhận thức của mình về việc học môn này

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu sự vận động của xã hội tư bản, đặc biệt là trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Với ý nghĩa đó khi nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học cần lưu ý :

Ý nghĩa về mặt lý luận:

+ Lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là bàn về vấn đề: giải phóng con người xã hội loài người ra khỏi sự áp bức bóc lột bất công, nghèo nàn lạc hậu, vì vậy khi nghiên cứu, học tập lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin phải kết hợp nghiên cứu nhuần nhuyễn cả ba bộ phận thì nó mới đủ cơ sở để lý giải các vấn đề thực tiễn và lý luận (triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học).

+ Lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho chúng ta những quan điểm chính trị - xã hội, đó là những tri thức lý luận cơ bản để luận giải tính tất yếu sự ra đời của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa.

+ Lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở để củng cố quan điểm, lập trường niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động và là định hướng của giai cấp công nhân, của Đảng cộng sản, của Nhà nước và của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực, nhằm mục tiêu đi tới xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.

b. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Trước hết chúng ta phải thấy được cũng như bất kỳ một lý thuyết khoa học nào bao giờ cũng có khoảng cách giữa lý luận với thực tiễn, đặc biệt là dự báo khoa học xã hội. Vì vậy, khi chủ nghĩa xã hội ở Đông u và Liên Xô sụp đổ, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác – Lênin của nhiều người giảm sút. Vì thế, nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay, nhưng mỗi chúng ta phải thấy được quy luật vận động là một tất yếu không thể đảo ngược chỉ có điều quy luật xảy ra sớm muộn mà thôi.

5. Phân tích những giá trị và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng ? nguyên nhân những hạn chế đó

Biểu hiện của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là ước mơ có một xã hội không còn tình trạng áp bức bóc lột người, mọi tư liệu sản xuất đều là của chung, ai cũng có việc làm và ai cũng phải lao động, mọi người đều bình đẳng với nhau có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Tư tưởng này xuất hiện sau khi công xã nguyên thủy tan rã, chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, là chế độ bóc lột người tàn bạo nhất trong lịch sử. nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra nhưng đều thất bại cho nên người ta đành gửi gắm những ước mơ khát vọng vào các câu chuyện, các truyền thuyết của tôn giáo, các tác phẩm văn chương được lan truyền, được phổ biến dưới dạng những câu chuyện, những áng văn chương. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong quá trình hình thành phát triển tính chất văn chương (văn học) ngày càng giảm, tính lý luận ngày càng tăng và tính phê phán ngày càng sâu sắc và nó đã đạt đỉnh cao ở thế kỷ XIX.

Những giá trị

Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đều chứa đựng một tinh thần nhân đạo cao cả khát vọng giải phóng con người khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó. Vì vậy, các nhà tư tưởng ở thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tuy nhiên, nhiều giá trị, luận điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng là cơ sở để Mác và Ăngghen kế thừa sau này.

Với các mức độ và trình độ khác nhau, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong suốt các thời kỳ từ thế kỷ thứ XVI - XVIII đều phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt. Chính vì thế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ này được gọi là “chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán” dùng để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm,... phản ánh ở mức độ khác nhau các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, đã thực sự làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa, phát triển tư tưởng chủ nghĩa xã hội lên một trình độ mới.

Không chỉ là những tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong phong trào thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động, để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới, chứ không phải là nghĩ ra từ đầu óc.

Những hạn chế và những nguyên nhân:

Các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, chỉ cần có con người tài ba xuất chúng là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng pháp luật và thực nghiệm xã hội. Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng chưa có sự chuẩn bị. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác đều đã không chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ đã không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Lực lượng ấy là giai cấp công nhân.

Những hạn chế nêu trên có tính lịch sử là điều không thể tránh khỏi. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

6. Công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học là gì ?

Có thể nêu một cách vắn tắt những nội dung cơ bản sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong hơn 80 năm qua như sau:

Mọi thắng lợi của cách mạng thế giới đều là sự vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn phong trào công sản và phong trào công nhân quốc tế ở mỗi nước cũng như của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Điều này có thể chứng minh nơi này và ở đâu, các Đảng cộng sản nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì ở đó cách mạng phát triển và thu được những thắng lợi.

Trong trường hợp ngược lại, cách mạng sẽ lâm vào thoái trào và bị thất bại.

Lịch sử dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo cho thấy, những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng luôn gắn liền với quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển và hoàn thiện lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong những điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại, trên cơ sở thực tiễn Việt Nam. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, sự xuất hiện và những công hiến vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, cả về lý luận, cách thức, biện pháp và chiến lược sách lược vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng ở nước ta trước kia, cũng như trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay. Những đóng góp, bổ sung và phát triển cũng như sự vận dụng của Đảng ta có thể được tóm tắt như sau:

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo cơ sở xã hội rộng lớn và thống nhất cho sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.

Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam – nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khắc then chốt để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ Đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta rút ra năm bài học kinh nghiệm:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, mang tính kế thừa chọn lọc và có những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Trên đây là những bài học kinh nghiệm được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là sự vận dụng sinh động những nguyên lý, những quy luật được đúc kết trong hoàn cảnh cụ thể của thời đại ngày nay.

7. Những thay đổi về chất lượng của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản hiện nay có làm thay đổi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không ? Hãy phê phán những quan điểm đang tìm cách phủ định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lý luận xuyên suốt của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, ngay từ khi mới ra đời giai cấp tư sản đã tìm mọi cách để xóa bỏ nó cả về lý luận cũng như trên thực tế, nhưng quyết liệt nhất là sau khi Liên - Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông u sụp đổ, các thế lực phản động đã không ngừng lợi dụng đã kích chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Rằng: ở các nước tư bản, giai cấp công nhân không còn bị bóc lột như trước, họ đã được “trung lưu hoá”, giai cấp công nhân đã “biến mất”. Vậy, công nhân là ai? Hiện nay có còn giai cấp công nhân nữa không? Để làm rõ vấn đề này chúng ta phải căn cứ vào luận điểm của Mác và Ăngghen khi nói về giai cấp công nhân và để nhận diện về giai cấp công nhân, chúng ta phải căn cứ vào hai thuộc tính sau đây :

+ Thuộc tính thứ nhất nói về phương thức lao động: công nhân là tất cả những người lao động trực tiếp hay gián tiếp có sử dụng các công cụ lao động có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại.

+ Thuộc tính thứ hai, nói về địa vị trong mối quan hệ giữa người công nhân với nhà tư bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa: Công nhân là những người lao động về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư, khi nói về thuộc tính này Mác và Ăngghen họ gọi là những người vô sản.

Lấy hai tiêu chí trình bày trên, chúng ta có thể khẳng định: giai cấp công nhân là những người lao động gắn liền với nền sản xuất công nghiệp ngày càng hiện đại, nó không hề bị biến mất, mà trái lại giai cấp công nhân ngày nay không ngừng được bổ sung thêm về số lượng và được nâng cao về chất lượng:

Theo tổ chức lao động quốc tế: năm 1900 toàn thế giới chỉ mới có 80 triệu công nhân, năm 1990 có hơn 600 triệu, đến năm 1998 có 800 triệu, sự nhanh chóng tăng lên về số lượng, điều đó đã chứng minh đúng như Mác dự báo: “Nền công nghiệp phát triển thì các giai cấp khác sẽ tiêu vong nhưng giai cấp công nhân thì ngày càng lớn mạnh”. Nhưng cũng có một sự thật không thể phủ nhận là hiện nay ở các nước tư bản ngành dịch vụ phục vụ cho lao động chiếm tỷ trọng khá lớn khoảng từ 50% đến 70%, sản xuất đã được tự động hoá với một trình độ kỹ thuật rất cao, nhưng trong lao động, kể cả trực tiếp hay gián tiếp người lao động đều có sử dụng công cụ lao động của công nghiệp hiện đại nên họ vẫn là người công nhân. Xét về địa vị họ đều là những người không có tư liệu sản xuất, vẫn là người làm thuê, họ là người vô sản.

Có phải giai cấp công nhân không còn bị bóc lột như trước: theo tài liệu công bố của Gót-hôn tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ, nếu như trước kia người công nhân chỉ bán sức lao động cơ bắp là chủ yếu thì ngày nay họ phải bán cả sức lao động chân tay và sức lao động trí óc và đôi khi chỉ bán sức lao động trí óc là chủ yếu, nếu so sánh với thời của Mác tỷ số m/v là 100% thì ngày nay m/v là 300%.

Hiện nay người công nhân ở các nước tư bản một ngày lao động 8 giờ, nhưng trên thực tế thì họ chỉ lao động trong 2 giờ là đủ bù đắp giá trị sức lao động mà nhà tư bản đã bỏ tiền ra mua sức lao động của người công nhân, 6 giờ còn lại là để tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản và một sự thật là ở Mỹ, “số người giàu chỉ chiếm 1% nhân khẩu nhưng lại nắm tới 53% tài sản quốc gia, còn ở Pháp, số gia đình giàu chiếm 10% nhưng lại sở hữu tới 51% tài sản xã hội”.

Có phải giai cấp công nhân đã được trung lưu hoá: cũng có một sự thật là đời sống của công nhân ở các nước tư bản phần đông họ không còn là những người vô sản trần trụi với hai bàn tay trắng, một số công nhân có tư liệu sản xuất phụ mà họ có thể cùng gia đình làm thêm ở nhà để sản xuất một số công đoạn phụ cho các xí nghiệp chính, một số công nhân có cổ phần trong xí nghiệp, nhưng thực chất ở Mỹ chỉ có 10% công nhân có cổ phần nhưng rất nhỏ bé và bản thân họ chỉ là lao động làm thuê một số công đoạn cho công ty mẹ mà thôi và trên thực tế, không phải người công nhân nào cũng mua được cổ phần.

Khi nghiên cứu quy luật về sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử, đặc biệt là hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Mác đã phát hiện giai cấp công nhân là giai cấp có sứ mệnh lịch sử: “Xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng mình đồng thời giải phóng nhân dân lao động và toàn thể nhân loại thoát khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa”.

Lịch sử đã chứng minh những kết luận của Mác, Ăngghen và Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là hoàn toàn đúng cả về lý luận cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân hiện nay đang đứng trước những cam go thử thách hết sức nặng nề, nhưng chúng ta phải có quan điểm toàn diện để xem xét toàn cảnh của sự phát triển thì giai cấp công nhân vẫn đang là lực lượng chuẩn bị những tiền đề khách quan cho việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình dù có phải trải qua những bước thăng trầm, quanh co, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo đúng quy luật của nó, mặc dù hiện nay ở những nước tư bản phát triển, đời sống của một bộ phận công nhân đã được cải thiện, nhưng vẫn đang tồn tại sự bất công, bất bình đẳng trong thu nhập giữa giai cấp tư sản với quần chúng lao động. Dù có cố gắng tìm cách “thích nghi” và dùng mọi biện pháp xoa dịu nhưng giai cấp tư sản không thể khắc phục được mâu thuẫn cố hữu của nó. Thực tế cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vẫn diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa dưới nhiều hình thức phong phú, với những nội dung khác nhau.

8. Tại sao nói Đảng cộng sản là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Theo quy luật ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh, các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ban đầu chỉ có tính chất lẻ tẻ tự phát như đập phá máy móc, lãn công, nhưng về sau đã phát triển thành phong trào do tổ chức công đoàn, là tổ chức chính trị của giai cấp công nhân lãnh đạo, với mục tiêu đòi: quyền dân sinh dân chủ, tăng lương, giảm giờ làm, những cuộc đấu tranh này tuy còn ở trình độ thấp nhưng nó đã có tác dụng lôi cuốn kể cả những người kém giác ngộ nhất. Nhưng thực chất đấu tranh về kinh tế chẳng qua chỉ là đòi bán sức lao động cao hơn chứ chưa giải quyết triệt để được nạn bóc lột người. Do đó, nếu chỉ có địa vị kinh tế - xã hội không thôi thì bản thân giai cấp công nhân cũng không thể tự ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình mà phải có những người ưu tú, tiên tiến tiếp thu tư tưởng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, truyền bá những tư tưởng ấy vào phong trào công nhân, giác ngộ giai cấp công nhân về mặt tư tưởng, thành lập chính Đảng, lãnh đạo phong trào đấu tranh không những chỉ đòi quyền lợi về kinh tế mà phải tiến tới mục tiêu nhằm lật đổ giai cấp tư sản, giải phóng giai cấp mình đồng thời giải phóng toàn xã hội.

Trước hết phải nói rằng, trong lịch sử không có một giai cấp nào khi giữ vai trò lãnh đạo mà lại không thông qua Chính Đảng của mình, là tổ chức cao nhất, đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân chính Đảng của mình là Đảng cộng sản, Đảng là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp, là đại biểu trung thành với lợi ích và quyền lợi của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc. Giữa Đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ không thể tách rời. Những Đảng viên Đảng cộng sản có thể không phải là giai cấp công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Đảng cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, nhưng giai cấp công nhân không phải là Đảng cộng sản; vì thế không thể lẫn lộn Đảng với giai cấp. Đảng đại diện cho quyền lợi của giai cấp và quyền lợi của cả dân tộc, vì vậy Đảng phải lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của Đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp.

Thực tế lịch sử đã chứng minh chưa có một giai cấp nào giành và giữ được địa vị thống trị nếu như không tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những lực lượng tiên phong để lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh. Đó là Đảng chính trị mang bản chất giai cấp. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư

sản, chỉ khi nào giai cấp công nhân tự tổ chức ra chính Đảng của mình thì cuộc đấu tranh mới có thể đảm bảo giành thắng lợi trọn vẹn.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nhân tố quyết định đầu tiên đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình, vì Đảng cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân. Đảng cộng sản là tổ chức bao gồm những phần tử tiên tiến, ưu tú của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng cộng sản đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, Đảng cộng sản lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản được thể hiện:

Đảng cộng sản là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp, Đảng lãnh đạo bằng việc đề ra cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của quá trình cách mạng cũng như của từng giai đoạn cách mạng trong từng nước cũng như trên toàn thế giới.

Phương pháp lãnh đạo của Đảng bằng tuyên truyền đường lối, giáo dục, bằng thuyết phục giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động thực hiện thắng lợi đường lối đã đề ra.

9. Vì sao chuyển từ cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là tất yếu?

Thực chất cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam là: sau khi đánh đuổi đế quốc xâm lược và lật đổ chế độ phong kiến, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nó vừa là nguyện vọng của nhân dân ta, vừa là quy luật phát triển, tiến hóa của nhân loại bởi những lẽ sau đây:

Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, cứu nước là đề tài bao trùm và thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc. Từ phong trào Cần Vương, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học... các phong trào này đã góp phần thức tỉnh nâng cao dân trí, nhưng do sự hạn chế của ý thức hệ phong kiến, tư sản, cải lương nên không đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của dân tộc, mặt khác nó lại tỏ ra bất cập so với xu thế của thời đại khi mà Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đang làm thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở ra con đường giải phóng dân tộc bỏ qua giai đoạn thống trị của chế độ tư bản để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong thực tế đó đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải được giải quyết theo xu hướng xã hội chủ nghĩa, đó vừa là nguyện vọng, vừa là nhu cầu của các giai cấp và các tầng lớp ở Việt Nam. Vào thời kỳ đó giai cấp công nhân tuy số lượng không đông, nhưng sinh ra và lớn lên trong một nước phong kiến nửa thuộc địa, bị ba tầng áp bức, bóc lột. Nổi uất hận mất nước bên cạnh mối thù của người lao động bị bóc lột nên giai cấp công nhân Việt Nam sớm trưởng thành về ý thức dân tộc, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nông dân đã làm cho bọn đế quốc thực dân, phong kiến hoảng sợ, tuy nhiên nhiên các cuộc đấu tranh vẫn còn mang tính tự phát tức nước vỡ bờ, nhưng Nguyễn Ái Quốc cho rằng trong điều kiện đó chủ nghĩa xã hội chỉ còn việc phải gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi. Người còn khẳng định: chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Trong tình hình đó người đã ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, từ khi phong trào đấu tranh của nhân dân ta có Đảng lãnh đạo, lịch sử đấu tranh của nhân dân ta đã chuyển sang trang lịch sử mới “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

Từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tức đánh đuổi đế quốc xâm lược và lật đổ chế độ phong kiến tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một quy luật do các yếu tố sau đây quy định:

+ Trước hết xét về nguyện vọng: sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta cứu nước là đề tài thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc, nhưng các phong trào đó đều thất bại vì nó không đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo nhân dân và chỉ khi Đảng cộng sản ra đời với mục tiêu “cách mạng thổ địa để đi tới xã hội cộng sản”, tức độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì vậy mà nó đã lôi cuốn mọi tầng lớp đứng lên đánh đuổi đế quốc xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, giải phóng đất nước.

+ Hai là: xét về vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo, đã nhanh chóng bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập với mục tiêu: giải phóng dân tộc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, tức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, không có lý do gì để từ bỏ mục tiêu ấy.

+ Ba là: xét về yếu tố thời đại, sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đã làm thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở ra một thời đại mới. Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thời đại mà nhân dân lao động làm chủ xã hội với mục tiêu công bằng xã hội, dân chủ văn minh. Vì vậy, sau đại thắng mùa xuân 1975 giang sơn thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, nhưng chúng ta còn mắc phải một số thiếu sót song đã kịp thời phát hiện và sửa chữa, khắc phục

có hiệu quả. Trong công cuộc đổi mới bằng thực tiễn sinh động, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã chứng minh và làm sáng tỏ thêm cả về lý luận cũng như thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng: trước hết đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao..

10. Hiện nay cách mạng xã hội chủ nghĩa có phải là tất yếu không? Vì sao?

Xã hội loài người được bắt đầu từ hình thái kinh tế xã hội cộng sản nguyên thủy, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội phong kiến, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo đúng quy luật thì hình thái kinh tế - xã hội tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo đúng quy luật diễn ra trong lịch sử sự thay thế này đều có nguyên nhân do lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, mâu thuẫn này thường được giải quyết bằng một cuộc cách mạng xã hội. Nhưng căn cứ vào điều kiện lịch sử đang diễn ra khi mà chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc xâm lược. Lênin cho rằng: “ở những nước tư bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản sau khi giai cấp công nhân làm cuộc cách mạng thành công cũng có thể bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”. Luận điểm của Lênin dự báo sự chuyển biến lên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở những nước tư bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn có cơ sở. Hình thức “đặc biệt” đã xảy ra ở Nga và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông u. Hình thức: “đặc biệt của đặc biệt” cũng đã xuất hiện ở Việt Nam, Trung Quốc, Cu Ba, Triều Tiên, Lào.

Sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một quy luật. Ngày nay, giai cấp tư sản cũng đã phần nào ý thức được quy luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội, họ cũng đã cố gắng vận dụng điều chỉnh. Vì vậy, sự căng thẳng giữa tư sản và vô sản ở các nước tư bản có vẻ như đã dịu bớt. Nhưng những mâu thuẫn cố hữu vốn có trong kinh tế và trong lĩnh vực xã hội của chủ nghĩa tư bản là không thể mất đi được, mà nó chỉ là tạm thời. Mâu thuẫn đó chỉ có thể được giải quyết một khi toàn bộ các tư liệu sản xuất trở thành của toàn xã hội. Vì vậy, khi luận chứng về tính tất yếu sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa Lênin đã cảnh báo: đừng có ảo tưởng mơ hồ vào sự tự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản, mặc dù phương thức sản xuất tư bản đã lỗi thời nhưng giai cấp tư sản sẽ kiên quyết bảo vệ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng đủ mọi phương tiện mà chúng có trong tay. Vì vậy, muốn thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, cần phải có hành động cách mạng tự giác của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của một Đảng tiên phong, Đảng của giai cấp công nhân.

Ngày nay, lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, phức tạp. Chủ nghĩa tư bản dựa vào ưu thế về kinh tế, khoa học – công nghệ và sức mạnh quân sự đang tìm mọi cách phổ biến những giá trị của phương Tây, tuyên truyền quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập hoặc “phi giai cấp”, “phi ý thức hệ”, “phi chính trị”; làm lẫn lộn giữa đúng, sai, phải, trái nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội và những lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, đặc biệt đối với các nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình, tuyên truyền các lý thuyết tư sản, tìm mọi cách phủ nhận học thuyết Mác – Lênin, mặt khác, chúng đang tìm cách mua chuộc, làm thoái hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Do vậy các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng bằng nhiều cách khác nhau, phê phán những tư tưởng phản động, hiểu chiến muốn duy trì sự thống trị, sự áp bức giữa nước giàu đối với nước nghèo, nước lớn đối với nước nhỏ; cổ vũ cho cuộc đấu tranh, vì một thế giới hòa bình, hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển.

Sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện nay chỉ là tạm thời, nhiều nước xã hội chủ nghĩa vẫn đang tồn tại và đang tiến hành cải cách đổi mới để phát triển như: Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba, Triều Tiên, Lào. Cuộc đấu tranh vì lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa vẫn đang tiếp tục diễn ra trên thế giới. Hiện tượng nổi bật ngoạn mục nhất là ở châu Mỹ la tinh là sân sau của nước Mỹ đã có bốn nước do các Đảng cánh tả nắm quyền sau bầu cử và đã tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa như: Venezuela, Bolivia, Ecuador, Nicaragua ngoài ra còn có các nước như: Argentina, Chile, Uruguay, Brazil, cũng do các Đảng cánh tả nắm chính quyền và có xu hướng xã hội chủ nghĩa, ở Liên - Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây ở Đông u nhân dân lao động cũng đang cùng với những người cộng sản trung kiên đấu tranh vì lý tưởng cộng sản.

Xu thế của thời đại ngày nay vẫn là độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là một tất yếu khách quan, là mục tiêu của thời đại.

11. Phân tích những xu thế của thời đại ngày nay. Ý nghĩa việc nghiên cứu vấn đề này đối với chúng ta hiện nay ?

Lịch sử xã hội loài người đã trải qua các thời đại: từ thời đại xã hội nguyên thủy, thời đại chiếm hữu nô lệ, thời đại phong kiến, thời đại tư sản và thời đại cộng sản chủ nghĩa, tức thời đại ngày nay. “ Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới”, được mở đầu bằng cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Thời đại ngày nay, có thể chia thành các giai đoạn nhỏ sau đây:

Giai đoạn 1, từ năm 1917 – 1945..

Giai đoạn 2, từ sau năm 1945 đến đầu những năm 1970,.

Giai đoạn 3, từ cuối những năm 1970 đến cuối những năm 1980.

Giai đoạn 4, giai đoạn từ đầu những năm 1990 đến hiện nay..

Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay

Toàn cầu hoá

Cách mạng khoa học – công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, nó đang tạo ra cơ sở vật chất cho quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Toàn cầu hoá là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, đang bị các nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối. Toàn cầu hoá buộc các quốc gia phải chủ động xác định lộ trình hội nhập vào mọi mặt đời sống nhất là lĩnh vực kinh tế của thế giới.

Hoà bình, ổn định để cùng phát triển

Từ những hậu quả các cuộc chiến tranh trên thế giới, các quốc gia đều nhận thấy được tầm quan trọng ổn định để phát triển. Trong thực tế không một nước nào có thể phát triển được trong hoàn cảnh có chiến tranh, do vậy, hoà bình đã trở thành nhu cầu bức xúc của các dân tộc trên thế giới. Có hoà bình mới có điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, mới huy động được sức người, sức của trong nhân dân để phát triển đất nước, và một khi kinh tế phát triển mới có thể ổn định, phát triển đất nước.

Gia tăng xu hướng hợp tác giữa các quốc gia:

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, tạo ra xu hướng toàn cầu. Do đó, hợp tác là xu hướng tất yếu trên thế giới hiện nay. Hình thức hợp tác quốc tế hiện nay cũng rất đa dạng, hợp tác song phương, hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế. Hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu, chống tham nhũng, chống khủng bố, chống tội phạm...

Các dân tộc ngày càng nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường:

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật tác động trên mọi lĩnh vực đã làm cho các dân tộc ngày càng ý thức được quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển... Mặt khác các nước lớn, các nước giàu thường ý lại vào thế mạnh kinh tế, quân sự để chi phối các nước nhỏ, các nước nghèo bằng cách áp đặt quan điểm chính trị, bóc lột các nước nghèo thông qua trao đổi mua bán không bình đẳng, thậm chí chúng còn tiến hành cả chiến tranh xâm lược lật đổ, vì vậy quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển của các nước dân tộc chủ nghĩa ngày nay đang là vấn đề sống còn ở mỗi nước.

Các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng cộng sản và công nhân kiên trì đấu tranh vì hoà bình tiến bộ và phát triển:

Tình hình quốc tế hiện nay đang có những diễn biến phức tạp, nhưng hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển vẫn là xu thế chung của nhân loại. Hiện nay, tuy xã hội chủ nghĩa đang gặp khó khăn rất lớn, đang phải đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại của kẻ thù, nhưng các nước xã hội chủ nghĩa, cùng với các Đảng cộng sản vẫn là lực lượng đi đầu, là nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống lại những thế lực gây chiến, bảo vệ hoà bình thế giới, phấn đấu cho sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại trong hòa bình.

Nhìn chung ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay là những nước đang có nền kinh tế phát triển thấp, trình độ khoa học công nghệ chưa cao, nhưng lại có lợi thế về tài nguyên. Do vậy, cần phải tranh thủ khoa học công nghệ tiên tiến thông qua kêu gọi đầu tư và khi thấy có lợi nhuận, họ sẽ mở rộng buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa, thông qua đó mà các nước xã hội chủ nghĩa tiếp thu được khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để nâng cao sản xuất, đáp ứng được sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của mình. Song sự đối lập về hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và giai cấp tư sản không vì vậy mà giảm đi.

Thế giới hiện nay đang tồn tại cả những thời cơ và thách thức, những người cộng sản phải nghiên cứu nắm bắt thời cơ, tranh thủ những thuận lợi để vượt qua những khó khăn, đưa cách mạng tiến lên. Vì vậy đòi hỏi các Đảng cộng sản, các Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tự đổi mới, phải tiếp tục bổ sung, phát triển về

mặt lý luận, đấu tranh khắc phục tình trạng yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý Nhà nước để đưa cách mạng tiến lên, phải nhanh chóng tập hợp lực lượng, khắc phục những bất đồng, kịp thời ngăn chặn âm mưu của những thế lực phản động quốc tế, thông qua đó mà phát huy ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản.

Muốn thực hiện được điều đó, các Đảng cộng sản phải có đường lối cách mạng, có chiến lược, sách lược đúng đắn, phải tìm ra nhiều hình thức đấu tranh, phải tiếp tục bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin cho phù hợp với thời đại ngày nay.

12. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ có những tác động gì tới sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay ?

Thực chất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là thay đổi công cụ lao động tiên tiến hơn trong lĩnh vực sản xuất làm cho năng suất lao động được nâng cao. Kể từ khi cuộc cách mạng công cụ lao động lần thứ nhất đến nay, do thành quả của nó mang lại làm cho lực lượng sản xuất trên thế giới phát triển nhanh chóng. Người ta ước tính cứ trung bình từ 10 đến 15 năm của cải của toàn nhân loại lại được tăng lên gấp đôi, làm cho mức sống của con người không ngừng được nâng cao dẫn đến làm thay đổi nhiều quan niệm của đời sống xã hội từ kinh tế tới chính trị, văn hoá, lối sống và làm cho các nước phải lệ thuộc vào nhau. Do đó đòi hỏi mỗi chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thích ứng trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay thì không thể có một quốc gia nào, dân tộc nào đứng ngoài cuộc. Đây là thời cơ để các nước chậm phát triển nhanh chóng tranh thủ được những tiến bộ khoa học của các nước tiên tiến, nhưng đồng thời nó cũng là một thách thức đối với các nước chậm phát triển, nếu không nắm bắt được thời cơ để phát triển đi lên sẽ trở thành lệ thuộc vào các nước phát triển. Việt Nam cũng nằm trong số các nước chậm phát triển. Đây là bài toán đòi hỏi chúng ta phải tìm lời giải đáp

- Việt Nam sau 20 năm đổi mới, thắng lợi bước đầu có ý nghĩa rất quan trọng:

+ Trước hết là về mặt tích cực: đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc để bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hòa nhập vào nền kinh tế của cộng đồng thế giới, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, thu nhập tăng lên, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

+ Bên cạnh của mặt tích cực, mặt tiêu cực cũng không phải là nhỏ: như phân hóa giàu nghèo, tham nhũng, ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội, ma túy, trộm cướp, cờ bạc nghiện hút, truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc bị văn hóa phương tây lấn át. Vì vậy, hơn lúc nào hết cùng với việc tiếp thu những tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mang lại, đồng thời phải biết bảo vệ những gì là bản văn hóa, phản tiến bộ và bảo vệ được sự độc lập chủ quyền của dân tộc.

13. Vì sao nói Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tất yếu? Hãy nêu những khó khăn và thuận lợi.

Theo đúng quy luật thì tất cả các cuộc cách mạng xã hội diễn ra trong lịch sử đều có nguyên nhân do lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, để giải quyết mâu thuẫn ấy thường được giải quyết bằng một cuộc cách mạng xã hội. Nhưng căn cứ vào điều kiện lịch sử đang diễn ra khi mà chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc xâm lược, Lênin cho rằng: Ở những nước tư bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản sau khi giai cấp công nhân làm cuộc cách mạng thành công cũng có thể bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng đối với những nước đó phải có những điều kiện cơ bản sau đây:

+ Một là, khi chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc xâm lược, chúng gây chiến tranh với nhau đòi chia lại thị trường thế giới gây ra nhiều đau thương cho nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, những mâu thuẫn đó chính là điều kiện, là thời cơ để Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động ở các nước đó vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành lấy chính quyền.

+ Hai là, ảnh hưởng của phong trào công nhân quốc tế, sự ra đời của một số nước xã hội chủ nghĩa đã làm thức tỉnh nhiều dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Việt Nam là một nước điển hình nằm trong số đó. Đặc điểm đi lên chủ nghĩa xã hội chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa cho nên trên lĩnh vực kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế đan xen, thậm chí còn có các thành phần kinh tế đối lập với nhau, trên lĩnh vực xã hội do kết cấu kinh tế quy định mà trong xã hội vẫn còn nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, đương nhiên còn có cả sự đối kháng về tư tưởng, biểu hiện rõ nhất là đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng: đi lên chủ nghĩa xã hội hay đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Song đây là cuộc đấu tranh trong điều kiện mới, giai

cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền và có thể nói thời kỳ quá độ là rất phức tạp, giữa cái cũ và cái mới còn đan xen với nhau, vừa hỗ trợ cho nhau, vừa đấu tranh với nhau, đôi khi cái mới tạm thời bị cái cũ lấn át, do đó, trong thực tế phải tìm tòi thử nghiệm, nhiều khi phải làm đi làm lại mới xác định được giá trị chân thực của nó, đồng thời, thời kỳ quá độ ở nước ta tất yếu phải trải qua một thời gian lâu dài và nhất thiết phải có sự quản lý của Nhà nước nhằm đi đúng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

14. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước thời kỳ đổi mới và sau thời kỳ đổi mới có gì khác nhau ?

- Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

+ Trước thời kỳ đổi mới: sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954 miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục kháng chiến chống Mỹ xâm lược, được kết thúc bằng thắng lợi 30 tháng 4 năm 1975, giang sơn thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng do nhận thức chưa đầy đủ về thời kỳ quá độ nên đã phạm phải một số sai lầm: chủ quan duy ý chí, nóng vội xóa bỏ các thành phần kinh tế chỉ còn hai thành phần kinh tế (quốc doanh và tập thể) trong khi ở nước ta vẫn đang còn là một nước có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Trong quản lý kinh tế không tôn trọng quy luật khách quan, mang nặng tính quan liêu bao cấp đó chính là nguyên nhân làm triệt tiêu các tiềm năng, động lực, không phát huy được hết nội lực trong nhân dân, nước ta bị rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

+ Sau thời kỳ đổi mới: vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20 ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) Đảng đã xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước, vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Từ những quan điểm chỉ đạo đó, xã hội dần dần ổn định, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Đó là cơ sở để chúng ta chứng minh và làm sáng tỏ thêm cả về lý luận cũng như thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

+ Đánh giá về thành tựu 20 năm đổi mới. Đảng ta nhận định: trước hết về mặt lý luận cũng như thực tiễn đã cho chúng ta nhận thức đầy đủ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư chủ nghĩa nhưng chỉ bỏ qua việc xác lập vai trò thống trị của giai cấp tư sản và kiến trúc thượng tầng của nó, nhưng phải kế thừa những thành tựu của nhân loại đặc biệt là khoa học công nghệ. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng, trước hết đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc để nước ta bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

+ Đánh giá về thành tựu 20 năm đổi mới. Đảng ta nhận định: trước hết về mặt lý luận đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư chủ nghĩa nhưng chỉ bỏ qua việc xác lập vai trò thống trị của giai cấp tư sản và kiến trúc thượng tầng của nó, nhưng phải kế thừa những thành tựu của nhân loại đặc biệt là khoa học công nghệ. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng, trước hết đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc để nước ta bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

15. Hãy nêu và phân tích những thành tựu và hạn chế trong đổi mới hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa và mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội trong những năm qua ở Việt Nam ?

Hệ thống chính trị gồm: Đảng cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và các đoàn thể chính trị hợp pháp khác. Trong hệ thống chính trị, Đảng cộng sản vừa là một bộ phận cấu thành trong hệ thống chính trị ấy, vừa là người lãnh đạo toàn xã hội, Nhà nước là người quản lý xã hội, nhân dân lao động là người làm chủ.

- Hệ thống chính trị ở nước ta ra đời sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, được chia làm hai giai đoạn:

+ Giai đoạn từ 1945 – 1975 đã hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.

+ Giai đoạn từ năm 1975 đến nay đang tiếp tục làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong quá trình đó nó có những ưu điểm như đã góp phần quyết định vào việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước. Xây dựng được những cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Bước đầu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng qua đó cũng đã bộc lộ những khuyết điểm như chưa phân định rõ nhiệm vụ, chức năng giữa Đảng và Nhà nước, bộ máy công kênh, chồng chéo, kém hiệu lực, quan liêu, bao cấp, cửa quyền, suy thoái về đạo đức lối sống, cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng lãng phí trong một bộ phận cán bộ công chức chậm khắc phục, vì vậy, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện

nay là một yêu cầu khách quan, cần thiết. Trong công cuộc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay phải tuân theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây:

+ Một là, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta, là đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới công tác tổ chức cán bộ và các mối quan hệ giữa các tổ chức chính trị chứ không phải thay đổi mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Hai là, trong quá trình xây dựng hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, những nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, tức dân chủ xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện ngày càng tốt hơn.

+ Ba là, đổi mới là một yêu cầu cấp thiết của toàn xã hội trên tất cả các lĩnh vực, song phải có trọng điểm mà trước hết phải nhằm ổn định đời sống nhân dân, kinh tế phát triển, trên cơ sở đó để từng bước đổi mới hệ thống chính trị trong sự ổn định trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Bốn là, hệ thống chính trị ở nước ta không chấp nhận “Đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập”. Đây chỉ là luận điệu dối trá bịp bợm, chứ về thực chất ở các nước tư bản nhất là ở Mỹ cũng chỉ là nhất nguyên về chính trị. Do đó, đặt vấn đề đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập là không thích hợp, nó chỉ tạo ra sự rối loạn xã hội có hại đến lợi ích của nhân dân. Trên cơ sở đó đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay cần chú ý các nội dung:

+ Về xây dựng và chỉnh đốn Đảng:

Phải xác định, Đảng lãnh đạo xã hội bằng chủ trương đường lối, chiến lược. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Xây dựng, chỉnh đốn, đổi mới, mà trước hết là phải đổi mới tư duy về lý luận, đặc biệt là tư duy về kinh tế, đổi mới trong sinh hoạt Đảng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng cán bộ, Đảng viên, nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở, gắn với những hoạt động thực tiễn trên mọi lĩnh vực của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

+ Cải cách bộ máy Nhà nước:

Trước hết là quốc hội, đây là cơ quan quyền lực cao nhất, là cơ quan ban hành hệ thống pháp luật, do đó phải từng bước tăng tỷ lệ đại biểu quốc hội chuyên trách, phải tăng cường về hoạt động giám sát của quốc hội đối với chính phủ, toà án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao và phải coi việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình xây dựng pháp luật và những quyết sách của quốc hội. Trên cơ sở đó mà từng bước nâng cao năng lực của các đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Trong cải cách hành chính đối với bộ máy Nhà nước, trước hết là bộ máy hành chính từ Trung Ương đến các địa phương phải tinh gọn, năng động, có hiệu quả theo hướng “hành chính công” chính phủ điện tử, gắn liền với đổi mới là việc phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước bằng việc đánh giá cán bộ công chức theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo, gắn với chế độ tiền lương, lương phải gắn với trách nhiệm trên cơ sở đó mới có thể tăng cường kiểm tra, giám sát, thưởng phạt nghiêm minh đối với cán bộ, công chức.

+ Mặt trận là nơi tập hợp, vận động tất cả các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, các tổ chức, các nghề nghiệp kể cả người Việt Nam ở nước ngoài trên tinh thần đoàn kết và cùng tán thành mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội, công bằng, dân chủ, văn minh. Hoạt động phải tuân thủ theo pháp luật.

Phải xác định, Đảng lãnh đạo xã hội bằng chủ trương đường lối, chiến lược. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Xây dựng, chỉnh đốn, đổi mới, mà trước hết là phải đổi mới tư duy về lý luận, đặc biệt là tư duy về kinh tế, đổi mới trong sinh hoạt Đảng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng cán bộ, Đảng viên, nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở, gắn với những hoạt động thực tiễn trên mọi lĩnh vực của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

17. Giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cộng sản với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mâu thuẫn nhau không? Vì sao?

Trước hết về mặt nhận thức: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử, tuy nhiên nó vẫn mang tính giai cấp, tức chuyên chính vô sản, do Đảng cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm ba bộ phận: Đảng cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội. Ba bộ phận này có vai trò, chức năng khác nhau nhưng có mối quan hệ hữu cơ với nhau tạo thành một chỉnh thể.

Trong quan hệ với Nhà nước, Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước, chỉ đạo các hoạt động quản lý của Nhà nước bằng một hệ thống các quan điểm lý luận và nguyên tắc chính trị (trong đó có nguyên tắc tổ chức - cán bộ). Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước, không can thiệp vào công việc của

Nhà nước. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Đảng cộng sản. Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước, không can thiệp vào công việc của Nhà nước. Đảng cộng sản hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là bộ phận trụ cột của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, là cơ quan quyền lực thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân để bảo vệ nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước dân chủ (của dân, do dân, vì dân) có quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) thống nhất (đều là của dân) nhưng có sự phân công rành mạch. Nhà nước quản lý xã hội bằng chính sách và pháp luật. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thực hiện đường lối của Đảng cộng sản, thể chế hoá đường lối của Đảng cộng sản thành hiến pháp và pháp luật.

16. Xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức ở Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì trong quá trình cách mạng ?

- Những thuận lợi:

+ Giai cấp công nhân: giai cấp công nhân ở Việt Nam hiện nay bao gồm những người lao động chân tay, lao động trí óc, hoạt động sản xuất trong các ngành công nghiệp thuộc các doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã khu vực tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài, họ là người đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, có tri thức. Họ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân, nông dân, trí thức.

+ Giai cấp nông dân: là những người sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, là người trực tiếp sử dụng tư liệu sản xuất đặc thù là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản.

+ Tầng lớp trí thức: bao gồm những người lao động trí óc, sáng tạo, có trình độ học vấn, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng khoa học, văn học, nghệ thuật. Sản phẩm của họ khó thấy hơn so với công nhân và nông dân nhưng lại có vai trò quyết định đến năng suất lao động, đến sự phát triển xã hội.

- Liên minh giữa giai cấp công nhân - giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt có những thuận lợi cơ bản là đa số đều xuất thân từ nông dân. Do đó, họ có mối quan hệ gần gũi tự nhiên với nhau.

- Những khó khăn :

giai cấp công nhân ở Việt Nam hiện nay là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân, nông dân, trí thức. Tuy nhiên, chúng ta không phủ nhận những nhược điểm của giai cấp công nhân Việt Nam : sinh ra và trưởng thành ở một nước phong kiến nửa thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu nên hạn chế lớn nhất của giai cấp công nhân Việt Nam là số lượng còn ít, chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo phong kiến, mang nặng tác phong của nền sản xuất nhỏ tiểu nông, “năng nghỉ, mưa ngủ, mát trời đi chơi” không tôn trọng giờ giấc quen với lối làm ăn vô tổ chức, vô kỷ luật chậm chạp, lè mề, việc hôm nay để lại ngày mai, hoặc bỏ trôi qua cũng được,... Tâm lý cục bộ “Một người làm quan cả họ được nhờ”, “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “Ta về ta tắm ao ta” hay “trâu ta ăn cỏ đồng ta”. Người cùng một địa phương thường bao che cho nhau, đối với những người ở địa phương khác thì ghẻ lạnh hoặc thành kiến. Tâm lý cục bộ ấy, trở thành một cản trở rất lớn khi tiến hành những công trình lớn, khó khăn trong những mưu tính lâu dài, nhìn xa, thấy rộng. Khi gặp thuận lợi thì ảo tưởng bốc đồng, gặp khó khăn thì hoang mang, dao động và lại tư duy theo lối mê tín, lại nhờ đến ma quỷ, trời phạt, lại “sống về mồ, về mã lại muôn sự tại trời”. Trạng thái tâm lý ấy đã hạn chế đến sự phát triển của khoa học, là cơ sở hình thành cho lối làm việc tùy tiện buông trôi, trông chờ vào sự may rủi.

Giai cấp nông dân: Nông dân có “bản chất hai mặt”: Một mặt họ là những người lao động. Mặt khác, họ lại là những người tư hữu nhỏ. Tuy nhiên, nông dân không phải là giai cấp bóc lột dựa vào tư hữu nhỏ. Nước ta xuất phát điểm đi lên chủ nghĩa xã hội vốn là nước nông nghiệp, giai cấp nông dân chiếm gần 80% dân số, nhưng nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy, nông dân đang còn phải chịu thiệt thòi thu nhập thấp bấp bênh chưa được nhà nước trợ nông nghiệp miễn giảm thuế, tiêu thụ, chế biến, bảo quản, bảo hiểm nông sản, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp, kiến thức quản lý kinh tế trình độ văn hóa thấp (nhất là ở nông thôn, bản miền núi, vùng các dân tộc ít người...).

17. Những nội dung xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức là gì ? Nội dung nào là quan trọng nhất ? vì sao ?

Sau khi tổng kết phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở Châu u cuối thế kỷ XIX, tổng kết bài học kinh nghiệm của công xã Pari (1871) Mác đã chỉ ra nguyên nhân của sự thất bại là do giai cấp công nhân không liên minh được với người bạn đồng minh tự nhiên của mình là giai cấp nông dân. Do đó trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản thì bài ca cách mạng sẽ trở thành “ bài ca ai điếu”. Vận dụng và phát triển lý

luận của Mác – Ăngghen trong điều kiện mới ở nước Nga Lênin cho rằng: giai cấp công nhân không những phải liên kết với nông dân mà còn phải liên minh với các tầng lớp lao động khác, và kể cả khi giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền. Vận dụng quan điểm về liên minh với các tầng lớp lao động. Đảng ta đã cụ thể hóa nội dung:

Liên minh về mặt chính trị:

Thực chất của liên minh về chính trị là nhằm tập hợp, đoàn kết rộng rãi được tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội quy tụ dưới ngọn cờ của Đảng nhằm đạt được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Liên minh về kinh tế:

Thực chất nội dung liên minh về kinh tế là nhằm đảm bảo đúng đắn được các lợi ích, trước hết là lợi ích về kinh tế, bảo đảm tất cả các giai tầng trong xã hội đều bình đẳng trước pháp luật, đây là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất và nó là cơ sở vững chắc nhất của liên minh trong thời kỳ quá độ. Nội dung đó được cụ thể hóa ở các điểm sau đây: Trước hết là phải tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm “công nghiệp hóa hiện đại hóa” nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng, xuất khẩu. Bởi vì, nước ta xuất phát điểm đi lên chủ nghĩa xã hội vốn là nước nông nghiệp, giai cấp nông dân chiếm gần 80% dân số, nhưng nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy, nông dân đang còn phải chịu thiệt thòi. Do đó, trước mắt phải hiện đại hóa nông thôn, phải tạo điều kiện cho nông dân hợp tác liên kết với nhau, liên kết với trí thức, liên kết với đô thị, liên kết với Nhà nước, liên kết với nước ngoài. Mặt khác Nhà nước, công nhân, trí thức phải chủ động đến với nông thôn để hướng dẫn, giúp đỡ, đồng thời cũng là mở rộng thị trường công nghiệp, khoa học công nghệ, có như vậy công, nông, trí thức mới ngày càng xích lại gần nhau. Đây là nội dung quan trọng nhất, bởi vì cơ sở kinh tế là nền tảng của mọi xã hội. Đối với nông thôn cần phải hết sức chú ý đến các loại hình kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, các dịch vụ ở nông thôn. Đặc biệt là loại hình kinh tế hợp tác xã. Nếu coi nhẹ vấn đề hợp tác hóa, chạy theo quan điểm tư nhân hóa là chệch hướng xã hội chủ nghĩa, thậm chí làm tan vỡ liên minh, rối loạn xã hội. Do đó Nhà nước phải có “chính sách khuyến nông” cụ thể là: phải có luật sở hữu, sử dụng, chuyển nhượng, thừa kế, đất đai, rừng... phải tạo điều kiện để nông dân yên tâm sản xuất, phải có chính sách, cơ chế đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, cho vay với lãi suất ưu đãi, phải chú ý đầu tư kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ mới, cán bộ kỹ thuật v.v. , phải có chính sách giá cả, nhất là giải quyết giữa giá nông sản hàng hóa với giá hàng công nghiệp, giá của khoa học công nghệ; trợ giá khi cần thiết... phải có chính sách miễn giảm thuế, chính sách tiêu thụ, chế biến, bảo quản, bảo hiểm nông sản, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp. Do đó, kinh tế Nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo thì mới có đủ điều kiện giúp đỡ, hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, học hỏi về kiến thức quản lý kinh tế và nhiều vấn đề văn hóa, xã hội (nhất là ở nông thôn, bản miền núi, vùng các dân tộc ít người...).

Đối với trí thức, Nhà nước cần phải hoàn chỉnh và đổi mới những chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ. Ví dụ: luật và chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, về bản quyền tác giả, về giáo dục và đào tạo, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật... Qua đó mà đổi mới cả về đào tạo, sử dụng lẫn đãi ngộ... nhằm phát huy những tiềm năng của các nhà khoa học đầu đàn, đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là cán bộ khoa học trẻ. Đồng thời tăng cường hợp tác khoa học trong nước, giữa nước ta với các nhà khoa học quốc tế về khoa học và công nghệ.

Liên minh về văn hóa xã hội:

Nội dung liên minh về văn hóa xã hội thực chất là đi đến các mục tiêu mọi người đều phải được quyền hưởng thụ một cách công bằng tất cả những thành quả của tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, với phương châm tất cả vì con người mà trước hết mọi người đều phải có công ăn việc làm không để người lao động thất nghiệp, nhất là lao động ở nông thôn, gia đình thương binh liệt sĩ người có công với nước, những người đang còn phải gánh chịu hậu quả chiến tranh. Đó vừa là một nhiệm vụ của xã hội, vừa có ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống...

Phải chăm lo phúc lợi cho mọi người như: xóa mù chữ cho một bộ phận nông dân miền núi, nâng cao trình độ kiến thức về khoa học công nghệ, nhận thức về chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo bảo vệ sức khỏe, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chống các biểu hiện tiêu cực quan liêu, tham nhũng, các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu.

Trong phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ phải luôn gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, đặc biệt là những vùng núi, dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa... Chỉ có như vậy, nội dung liên minh mới toàn diện và đạt mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa; mới có thể làm cho công, nông và trí thức cũng như các vùng, các miền, các dân tộc...” xích lại gần nhau “.

18. Hãy phân tích những đặc điểm quan hệ dân tộc ở Việt Nam ? những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam ?

Dân tộc Việt Nam đã có 4000 năm lịch sử, các cộng đồng người sớm liên kết lại với nhau thành dân tộc do hai yếu tố sau đây: Một là, để bảo vệ chủ quyền, chống lại kẻ thù xâm lược mạnh hơn mình nên các tộc người trên dải đất Việt Nam sớm ý thức được là phải liên kết lại với nhau để tạo thành sức mạnh để tồn tại. Hai là, để chống chọi lại với điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, thú dữ để sinh tồn buộc các cộng đồng người cũng phải liên minh lại với nhau. Chính hai yếu tố đó đã được cố kết các cộng đồng người trên dải đất Việt Nam qua nhiều thế hệ, nó đã trở thành truyền thống, đã được thử thách trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng đất nước. Đoàn kết trở thành lợi ích chung của dân tộc.

Các tộc người anh em của dân tộc Việt Nam cư trú xen kẽ không thành địa bàn riêng biệt, có nền văn hóa phong phú, các dân tộc ít người đều có tiếng nói, văn học, nghệ thuật, tâm lý, tình cảm, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình dòng họ, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau và một số dân tộc còn có chữ viết riêng, dân tộc ít người (chiếm 13%) phần lớn cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế. Do điều kiện tự nhiên và hậu quả của lịch sử để lại nên trình độ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội giữa các dân tộc hiện nay còn có nhiều sự chênh lệch. Nhiều vùng dân tộc thiểu số đồng bào đang còn ở trình độ canh tác rất lạc hậu. Tình trạng chênh lệch giữa các dân tộc, giữa các vùng dân cư là một thực tế mà kẻ địch đang lợi dụng lôi kéo bà con dân tộc ít người khôi phục những tập tục lạc hậu, gây rối mất trật tự an ninh, thậm chí chống đối lại các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, do đó cần phải hết sức quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách đã được Đảng và Nhà nước đề ra, cụ thể là:

- Phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc. Đảm bảo cho đồng bào các dân tộc có thể khai thác được thế mạnh làm giàu cho mình và sau đó là đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chung của cả nước.

Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ tập quán, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc. Từng bước nâng cao dân trí nhất là các đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng núi cao, vùng xa, vùng sâu, hải đảo.

Phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, nghiêm cấm các hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số; chỉ có trên tinh thần ấy mới thực sự phù hợp với những vùng có các dân tộc ít người. Đồng thời cũng cần có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cả nước.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước mang tính toàn diện, tổng hợp, quán xuyên trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mọi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cả cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển trình độ giữa các dân tộc. Do đó, chính sách dân tộc còn mang tính cách mạng và tiến bộ, đồng thời còn mang tính nhân đạo. Bởi vì, nó không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép khinh miệt, kỳ thị, chia rẽ chủng tộc; tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Mặt khác, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước. Nhận thức đúng đắn bản chất, nội dung, tính chất của chính sách dân tộc làm cho chính sách dân tộc đi vào cuộc sống có một ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình hiện nay.

19. Hai xu hướng của phong trào dân tộc hiện nay được biểu hiện như thế nào? Chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo sự thống nhất giữa hai xu hướng đó ?

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản làm nảy sinh hai xu hướng dân tộc:

Xu hướng thứ nhất, trong thời kỳ phương thức sản xuất tư bản mới phát triển, ở các quốc gia gồm có nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau, do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc (xóa bỏ tình trạng cát cứ phong kiến để có một thị trường thống nhất, nhà nước và luật lệ thống nhất) mà các cộng đồng dân cư muốn tách ra để xác lập các cộng đồng dân tộc độc lập. Vì họ hiểu rằng, chỉ trong cộng đồng độc lập, họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình mà quyền cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển. Trong thực tế, xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động cho đến nay.

Xu hướng thứ hai, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa của phương thức sản xuất tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

b. Biểu hiện hai xu hướng hình thành dân tộc trong thời đại ngày nay:

+ Xu hướng thứ nhất, thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên xóa bỏ xiềng xích nô dịch giành lấy quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình được sống độc lập, tự do, bình đẳng. Nhưng trên thực tế các quốc gia nhỏ bé, lạc hậu sau khi giành được độc lập dân tộc nhưng do xuất phát điểm có nền kinh tế thấp nên họ không thể thoát ra được sự lệ thuộc về kinh tế và dẫn đến lệ thuộc về chính trị đối với các nước tư bản. Do đó nhiều nước đã bị cưỡng bức, bị lôi kéo tham gia vào các khối liên hiệp do các nước đế quốc lập ra để bao vây cấm vận về kinh tế, lật đổ chế độ, uy hiếp về quân sự với một số nước khác và như vậy, kết cục họ vẫn không được quyền tự quyết, độc lập dân tộc. Xu hướng độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng hiện nay phát triển rất đa dạng nhất là sau khi Liên – xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông u sụp đổ. Nhưng để có được độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng thực sự: “Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội thì tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch các dân tộc khác mới bị xóa bỏ.” như Lênin đã chỉ rõ.

+ Xu hướng do tiến bộ của khoa học công nghệ, mở rộng giao lưu kinh tế mà ngày nay một số dân tộc hợp nhất lại thành một quốc gia theo khu vực theo yếu tố về địa lý, môi trường tài nguyên thiên nhiên cũng như có sự tương đồng về giá trị văn hóa trên cơ sở lợi ích nào đó như là đấu tranh chống lại kẻ thù mạnh hơn mình, cũng như nhằm giải quyết những vấn đề chung như ngăn chặn nguy cơ chiến, chống ô nhiễm bảo vệ môi trường sinh thái, khắc phục nạn đói, phát triển dân số và bảo vệ sức khỏe. Xu hướng này là yếu tố khách quan trong thời đại ngày nay. Do đó mỗi dân tộc phải biết thực hiện chính sách mở cửa để hòa nhập vào dòng vận động chung, đồng thời phải tìm được giải pháp hữu hiệu để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Đối với các dân tộc xã hội chủ nghĩa anh em xích lại gần nhau là trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, nó cho phép mỗi dân tộc không những chỉ sử dụng tiềm năng của dân tộc mình mà còn dựa vào tiềm năng của các dân tộc anh em. Riêng các dân tộc anh em trong cùng một quốc gia những giá trị của các dân tộc anh em thâm nhập vào nhau, bổ sung hòa quyện vào nhau để tạo thành những giá trị chung của dân tộc, nhưng không làm mất đi sắc thái tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc.

20. Hãy phân tích luận điểm của Mác: “Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của một thế giới không có trái tim, là trạng thái tinh thần của một thế giới không có tinh thần”....

Ngay từ thời cổ đại xa xưa con người đã đặt câu hỏi, thế giới xung quanh chúng ta là gì, do đâu mà có, con người từ đâu sinh ra, chết rồi sẽ đi về đâu? Để trả lời cho câu hỏi này mà từ đó đã có rất nhiều các quan niệm khác nhau và cũng do trình độ tư duy trừu tượng khác nhau mà dẫn đến nhận thức sai lệch các hiện tượng trong thế giới khách quan, vì vậy có thể nói tôn giáo là sản phẩm của con người gắn liền với điều kiện tự nhiên xã hội nhất định. Do đó xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội,

Từ xa xưa, thời nguyên thủy, do điều kiện sinh hoạt vật chất, trình độ thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, bất lực trước các hiện tượng của thiên nhiên như động đất, núi lửa, nhật thực, nguyệt thực, bão lụt.... Họ không thể giải thích được các hiện tượng khủng khiếp đó là do từ đâu. Từ chỗ không thể lý giải được trên cơ sở đó mà người ta đã tưởng tượng ra các vị thần cho mình để cầu xin những điều mình mong muốn, cầu xin được che chở, được tha thứ, nhưng với sự phát triển của khoa học ngày nay nhiều hiện tượng huyền bí đã được hé mở, nhưng tôn giáo không hề mất đi mà ngược lại tôn giáo ngày nay càng bành trướng, không chỉ là những đối tượng kém hiểu biết như trước đây mà là những người có học thức, học vị cao, điều đó có thể lý giải đó chính là nguồn gốc xã hội. Theo Lê – nin đó là nguồn gốc chủ yếu của tôn giáo hiện đại ngày nay.

Từ khi xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp những hiện tượng như bóc lột, bị bóc lột, bất công trong xã hội tư bản, những yếu tố tự phát, ngẫu nhiên trong gia đình, tình yêu tan vỡ, làm ăn thua lỗ, may rủi nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của con người với những hậu quả khó lường “quần chúng nhân dân không thể đoán trước được, vì bất cứ lúc nào những người vô sản, những tiểu thương, tiểu chủ cũng bị đe dọa phá sản đột ngột, bất ngờ, ngẫu nhiên, làm cho họ phải trở thành người ăn xin, kẻ bán cùng, dồn họ vào cảnh chết đói”. những vấn đề đó đã tác động đến tâm lý làm cho con người trở nên thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên cũng là điều dễ hiểu và con người lại một lần nữa bất lực trước những hiện tượng nảy sinh trong xã hội. Họ không biết vì sao? Chẳng qua chỉ là phận. Vì vậy, muốn tránh được tai qua nạn khỏi người ta lại một lần nữa con người lại đến với tôn giáo để xin được chở che tha thứ. Đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại.

21. Hãy trình bày những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Ngày nay, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về khoa học tự nhiên cũng như xã hội, nó giúp cho con người có thêm những khả năng để nhận thức về thế giới, nhiều bí mật được hé mở. Song thế giới là vô cùng, vô tận mà nhận thức con người chỉ có giới hạn, vẫn còn nhiều vấn đề mà khoa học vẫn chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội vẫn còn tác động, chi phối đến đời sống của con người, nên tâm lý sợ hãi, nhờ cậy và tin tưởng vào thần, thánh, phật, chưa thể gạt bỏ khỏi ý thức của con người.

Trước hết về mặt nhận thức chúng ta phải biết rằng: tôn giáo là một trong những hình thái ý thức xã hội có tính bảo thủ nhất trong các hình thái ý thức xã hội, mặc dù ngày nay đã có những biến đổi to lớn nhưng ý thức về tín ngưỡng, tôn giáo cũng không thay đổi kịp với tiến bộ của những biến đổi về kinh tế, xã hội mà nó phản ánh, mặt khác ý thức về tôn giáo nó đã được hình thành sâu đậm vào đời sống tinh thần của nhiều thế hệ đến mức nó đã trở thành đạo đức văn hóa lối sống

Hai là, những giá trị đạo đức văn hóa tôn giáo tạo nên hiện nay vẫn đang còn có tính tích cực góp phần vào việc giáo dục đạo đức lối sống cũng như đáp ứng được một số nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, do đó trong xây dựng xã hội mới nếu chúng ta biết khéo léo vận động tuyên truyền thì tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc, sống tốt đời, đẹp đạo, sống phúc âm giữa lòng dân tộc thì dù cho các thế lực phản động để quốc có lôi kéo lợi dụng kích động tôn giáo gây xung đột tôn giáo, sắc tộc, khủng bố, bạo loạn, lật đổ thì chúng cũng không thể nào đạt được.

Ba là, trong chủ nghĩa xã hội, nhất là giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường với những lợi ích khác nhau của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, nên những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi trong đời sống vẫn đang diễn ra, những vấn đề đó đã tác động đến tâm lý làm cho con người trở nên thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên cũng là điều dễ hiểu.

Bốn là, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo trong nhân dân từ ngàn đời nay nó đã trở thành một nhu cầu văn hóa tinh thần, trở thành đạo đức, lối sống của một bộ phận quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc kế thừa, bảo tồn và phát huy văn hóa của nhân loại, trong đó việc kế thừa đạo đức văn hóa tôn giáo là việc cần thiết. Mặt khác, tín ngưỡng, tôn giáo còn có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận lớn dân cư, do đó trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo là một hiện tượng xã hội khách quan. Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm và phức tạp. Vì vậy, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần phải hết sức thận trọng, mềm dẻo và phải giữ vững nguyên tắc trên tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin là không tuyên chiến với tôn giáo. Do đó giải quyết vấn đề tôn giáo phải dựa trên những quan điểm sau

Một là, chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội, xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng của tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Với hệ thống tín điều và giáo lý của mình, tôn giáo phần nào hạn chế khả năng vươn lên làm chủ của con người.

Vì vậy, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội; là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hai là, một khi tín ngưỡng, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân thì chính sách nhất quán của Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Mọi công dân đều có quyền theo hoặc không theo tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng của công dân. Đó là sự thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự quan tâm của Đảng Nhà nước đến nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải phát huy những nhân tố tích cực của tôn giáo, đặc biệt là những giá trị đạo đức; chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần yêu nước.

Ba là, thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo một tôn giáo nào trên cơ sở đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ tổ quốc đúng như lời dạy của Lênin là không tuyên chiến âm ỉ với tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm, những mệnh lệnh ngăn cấm tín ngưỡng, tôn giáo là những hành vi đại dốt, vô chính phủ, làm cho kẻ thù lợi dụng để kích động tình cảm tôn giáo của tín đồ làm cho họ ngày càng gắn bó với tôn giáo, xa chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, như vậy không có nghĩa là coi nhẹ việc giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học, thế giới quan duy vật cho toàn dân, trong đó có những tín đồ tôn giáo, việc làm đó góp phần nâng cao trình độ kiến thức cho toàn dân.

Bốn là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải kiên quyết, thận trọng, có sách lược và phải coi đây là một nhiệm vụ thường xuyên lâu dài trong đó việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các đồng bào có tín ngưỡng là yếu tố cơ bản nhất. Mặt khác phải luôn nâng cao cảnh giác kịp thời ngăn chặn những hành động âm mưu chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng.

Năm là, phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo ở những thời kỳ lịch sử khác nhau.

22. Phân tích khái niệm gia đình và những đặc trưng của nó? Khái niệm và kết cấu của gia đình

Gia đình là gì?

Hiện nay có khá nhiều khái niệm khác nhau, nhưng có hai khái niệm phổ biến và tương đối phù hợp với tình hình hiện nay.

Gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục giữa các thành viên.

Gia đình là một hình thức tổ chức xã hội đầu tiên, là tế bào của xã hội, được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục.

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v... Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

Trong xã hội hiện nay, người ta thấy đang tồn tại một số kiểu gia đình sau đây:

+ Gia đình kép còn gọi là gia đình tiếp nối, gia đình mở rộng... là kiểu gia đình cùng chung sống trong một mái nhà có từ ba thế hệ người trở lên. Kiểu đại gia đình này tồn tại phổ biến ở nông thôn Châu Á. Gia đình kép có những mặt tích cực như giữ gìn, bảo tồn được các tập tục, các thế hệ có sự gắn bó về mặt tình cảm huyết thống, các thành viên có sự hỗ trợ lẫn nhau về đời sống... Mặt hạn chế biểu hiện ở chỗ gia đình này thường tạo ra sự khép kín trong thân tộc, dòng họ dẫn đến chi phối các mối quan hệ xã hội khác, duy trì những cái lạc hậu trong sinh hoạt lễ nghi rườm rà và dẫn tới các xung đột, xích mích giữa các thế hệ, các thành viên trong gia đình do sự khác biệt về tuổi tác, về lối sống... gây ra.

+ Gia đình hạt nhân, chỉ có cha mẹ và con chung. Loại gia đình này tồn tại khá phổ biến ở các nước phát triển và ở các đô thị lớn, đến khi con cái đến tuổi trưởng thành khi có gia đình riêng sẽ tách ra thành một gia đình độc lập, thoát ly khỏi cha mẹ sống tự do, kiểu gia đình này có hạn chế ở chỗ: mối quan hệ gia đình lỏng lẻo, ảnh hưởng giữa các thế hệ với nhau tương đối ít, các thành viên gia đình khó có điều kiện kiểm soát hành vi của nhau.

+ Gia đình hỗn hợp trong đó chồng, vợ có con riêng và lại có con chung. Đây là kiểu gia đình có mối quan hệ rất lỏng lẻo (Ở Mỹ hiện nay có tới $\frac{1}{4}$ là gia đình hỗn hợp)

+ Gia đình thiếu, là kiểu gia đình trong đó chỉ có vợ và chồng, do vô sinh, hoặc có thể do vợ chồng không muốn có con... Loại gia đình này không phổ biến nhiều trong xã hội nhưng vẫn tồn tại như một thực thể.

+ Gia đình đơn chiếc còn gọi là gia đình khuyết, gia đình không đầy đủ, gia đình mẫu hệ mới... Đây là kiểu gia đình chỉ có mẹ và con do nhiều lý do: vợ chồng ly hôn, ly thân; hoặc do người phụ nữ không có chồng nhưng lại có con.

+ Gia đình đồng giới, cùng nam hoặc cùng nữ kết hôn. Đây là kiểu gia đình bệnh hoạn phi tự nhiên, không có khả năng tái sinh nòi giống. Một số nước Tây u được pháp luật thừa nhận. Ở Việt Nam, chúng ta phản đối kiểu gia đình này vì nó không phù hợp với sự phát triển tự nhiên, trái với luân thường đạo lý, trái với lối sống văn hóa.

Khi nghiên cứu về gia đình nhất thiết phải nghiên cứu về yếu tố kinh tế, văn hóa truyền thống, quy mô gia đình, xem trong mỗi gia đình có bao nhiêu con là hợp lý, nhằm đảm bảo phát triển cân đối và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước. Quy mô và kết cấu của gia đình như thế nào, ngoài những sự tác động của các nhân tố xã hội thì yếu tố trình độ dân trí, sự hiểu biết của mỗi cặp vợ chồng là quyết định. Mặt khác, khi nghiên cứu về gia đình, người ta cũng cần phải quan tâm đến vai trò và tính chất của người chủ gia đình người chủ ấy là ai, địa vị của họ trong xã hội ra sao?

Tóm lại gia đình là sản phẩm của lịch sử, là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được liên kết lại với nhau dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.

23. Phân tích những chức năng của gia đình dưới chủ nghĩa xã hội? Các quan hệ cơ bản của gia đình
Gia đình có những mối quan hệ cơ bản sau đây:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân là một nhu cầu sinh lý nhằm sản xuất ra con người để duy trì nòi giống. Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, hôn nhân cũng có lịch sử của nó. Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thủy, hình thức hôn nhân chủ yếu là quần hôn (hôn nhân tập thể) thì trong các chế độ tư hữu, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở lợi ích của những người chủ sở hữu và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - chính trị của chế độ xã hội đó. Vì vậy, hôn nhân trong bất cứ thời đại nào cũng cần được xã hội thừa nhận cả về mặt chuẩn mực văn hóa và truyền thống trong cộng đồng và pháp luật của chế độ đương thời.

Quan hệ huyết thống: do nhu cầu duy trì và phát triển nòi giống, con người đã sáng tạo ra một thiết chế gia đình, trong đó quan hệ huyết thống được coi là một quan hệ cơ bản nhất. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng có những thay đổi theo sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị của xã hội. Nếu như trong chế độ cộng xã nguyên thủy, huyết thống về bên mẹ được coi là chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc xa gần thì đến chế độ tư hữu huyết thống được coi về đằng cha. Sự phân biệt này chỉ khi nào không còn chế độ tư hữu.

Quan hệ quần tụ trong một mái ấm gia đình: xuất phát từ nhu cầu tự nhiên, quan hệ lứa đôi cần phải có một nơi cư trú, thời nguyên thủy người ta chỉ cần một không gian là một hang đá, hốc cây, về sau là một túp lều tranh đơn sơ, một mái nhà. Mái ấm gia đình là nơi thiêng liêng sẽ không thay đổi, dù cho mai sau khoa học hiện đại có khám phá sáng tạo ra không gian sinh tồn mới, nhưng quan niệm về mái ấm gia đình cũng sẽ không mất đi. Trái lại nó càng được củng cố tăng cường nhờ được trang bị đầy đủ những tiện nghi hiện đại nhằm tạo thuận lợi hơn.

Quan hệ nuôi dưỡng: nuôi dưỡng là một trách nhiệm, đồng thời còn là một quyền lợi thiêng liêng của các thành viên trong gia đình đối với nhau. Nuôi dưỡng bao gồm cả việc các bậc cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng con cháu, con cháu chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà lúc già, cũng như việc quan tâm của những người khỏe mạnh đối với các thành viên gặp khó khăn. Tình cảm thiêng liêng này không thể thay thế được bằng bất kỳ hình thức nào.

Gia đình có những chức năng cơ bản sau đây:

Chức năng tái sản xuất ra con người: sinh sản là một nhu cầu tự nhiên. Nếu không có hoạt động này thì xã hội loài người sẽ bị diệt vong. Nhưng sinh bao nhiêu là vừa, là đủ. Vấn đề này nó còn tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi giai đoạn lịch sử, tùy theo mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà có chiến lược phát triển dân số phù hợp. Nếu như vào đầu thời kì đồ đá mới (khoảng mười ngàn năm trước đây) các bộ lạc nguyên thủy chỉ xấp xỉ khoảng 1 triệu người được phân bố rải rác trên các lục địa. Đầu công nguyên dân số trên trái đất có chừng 150 - 200 triệu người. Năm 1000 sau công nguyên đã có gần 300 triệu người. Đến nay dân số trên thế giới đã lên đến con số báo động trên 6 tỷ người. Ở nhiều nước, tốc độ tăng dân số đến chóng mặt, nhất là ở các nước chậm phát triển, số sinh ra vượt quá mức so với sức sản xuất lương thực, về điều kiện nhà ở, về điều kiện y tế, giáo dục, về phúc lợi v.v... Theo báo cáo của Liên hợp quốc thì hiện nay có khoảng 40 triệu người đang sống trên miệng hố của sự chết đói, nhiều nước Á, Phi, Mĩ La tinh tuổi thọ thấp (trung bình 35 tuổi) sự thay thế của các thế hệ xảy ra nhanh. Tình hình đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Vì vậy, vấn đề bùng nổ dân số đang là vấn đề gay gắt đang được đặt ra không chỉ ở mỗi nước, mà còn là vấn đề chung của toàn nhân loại. Ở nước ta, để khắc phục tình trạng dân số tăng nhanh, trong khi nền kinh tế đang còn thấp, do đó chúng ta phải coi nhiệm vụ kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách xã hội. Theo thống kê 2004 người ta tính cứ 1 phút có 3 em bé chào đời, thì một năm tăng 1,2 triệu người, nếu so sánh giữa tăng trưởng kinh tế và mức độ tăng dân số như hiện nay đang là một vấn đề bức xúc. Vì vậy việc phấn đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số kết hợp với việc tổ chức lại lao động, đất đai, ngành nghề làm cho mọi người lao động đều có việc làm đó là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài nhằm đảm bảo sự phát triển cân đối về kinh tế - xã hội đem lại cuộc sống văn minh, hạnh phúc cho nhân dân.

Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống của gia đình: trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mỗi gia đình đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, mọi gia đình, mọi cá nhân đều có thể làm giàu chính đáng bằng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các gia đình công nhân viên chức cũng được khuyến khích tuy các loại gia đình này không trực tiếp kinh doanh, nhưng cũng có vai trò tác động đến sản xuất qua lĩnh vực tiêu dùng.

Chức năng giáo dục: nội dung giáo dục trong gia đình bao gồm cả về vật chất lẫn tinh thần, nó là trách nhiệm của các bậc cha mẹ và được thực hiện ở mọi chu trình sống của con người. Từ lúc còn ẵm ngửa, giai đoạn tuổi thơ, khi đã trưởng thành, lúc già cả... Ở từng chu trình ấy phải có những nội dung và hình thức giáo dục phù hợp. Nếu ở giai đoạn tuổi thơ là lời ru của mẹ, tấm gương sống và làm việc của người thân, những lời nhắn nhủ của cha mẹ, giảng giải của ông bà và ngay cả trong sinh hoạt tình dục, sinh hoạt tiêu dùng cũng phải được giáo dục... học ăn, học nói, học gói, học mở” “ ăn trông nồi ngồi trông hướng...” Trong chủ nghĩa xã hội, giáo dục của gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực trẻ, xây dựng con người mới có đạo đức, văn hóa có trí thức. Do đó, giáo dục con người phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý tình cảm: có nhiều vấn đề tâm, sinh lý chỉ có thể bộc lộ và giải quyết trong phạm vi gia đình với những người thân. Do đó sự hiểu biết tâm sinh lý, sở thích của nhau để phù hợp với mỗi thành viên là rất cần thiết.

Tóm lại, gia đình là thiết chế đa chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng trên mà có sự tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau, nhưng việc phân chia các chức năng cũng chỉ là tương đối. Nhiều khi, các chức năng được thực hiện tổng hợp trong một công việc hoặc nhiều hoạt động của gia đình. Ở từng nơi và các giai đoạn khác nhau, nội dung và vị trí của mỗi chức năng có sự biến đổi, nhưng dù ở đâu thời đại nào thì vai trò của người phụ nữ, mà trước hết là người vợ, người mẹ phải là trung tâm của tình cảm gia đình. Phụ nữ góp công sức nhiều nhất cho công việc của gia đình, giàu tình yêu và có ý thức hơn vì hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn hiện tượng đối xử không bình đẳng đã làm cho người phụ nữ phải gánh vác những công việc nặng nhọc trong gia đình và công việc xã hội.

24. Phân tích vị trí của gia đình . ý nghĩa vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới hiện nay

- Gia đình có những vị trí cơ bản sau đây:

a. Gia đình là tế bào của xã hội: có thể ví toàn xã hội là một cơ thể hoàn chỉnh, trong đó gia đình là một bộ phận của cơ thể sống. Do đó cuộc sống của mỗi gia đình hạnh phúc hòa thuận êm ấm thì sẽ có một cơ thể xã hội lành mạnh.

b. Gia đình là một trong những hình thức biểu hiện trình độ phát triển của kinh tế - xã hội: nếu như trong xã hội nguyên thủy xuất hiện kiểu gia đình tập thể, hôn nhân cùng huyết thống, hôn nhân ngẫu nhiên và hôn nhân cặp đôi là do trình độ của lực lượng sản xuất còn quá thô sơ thấp kém. Nhưng đến chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản và xã hội chủ nghĩa thì về hình thức tổ chức, quy mô và kết cấu cũng như tính chất của gia đình cũng có sự khác nhau từ gia đình một vợ, một chồng bất bình đẳng sang gia đình một vợ, một chồng ngày càng bình đẳng hơn giữa nam và nữ, giữa các thành viên trong gia đình. Tất cả những bước tiến đó của gia đình đều phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế ở mỗi thời đại lịch sử.

c. Gia đình là một thiết chế đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa các thành viên gia đình với xã hội: trong hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là một đơn vị xã hội thu nhỏ của xã hội, một thiết chế đầu tiên. Nhưng thiết chế ấy vận động lại tùy thuộc vào các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi vùng, mỗi địa phương khác nhau và nó được bộc lộ thông qua hành vi của các thành viên, trong mỗi gia đình và cũng thông qua các sinh hoạt trong gia đình mà mỗi cá nhân tiếp nhận được các thông tin của xã hội. Trong các thông tin ấy có cả những cái tốt lẫn cái xấu, gia đình rất quan trọng trong việc lựa chọn hướng dẫn tiếp thu những thông tin ấy.

d. Gia đình là tổ ấm thân yêu, là chiếc nôi nuôi dưỡng cả đời người: từ khi còn là trẻ thơ cho đến khi khôn lớn, đến lúc về già có nơi nương tựa và sau những ngày lao động mệt nhọc là nơi nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, thoải mái tinh thần... Ở đó, hằng ngày diễn ra các quan hệ thiêng liêng sâu đậm giữa vợ chồng, cha con, anh em, những người đồng tâm, đồng cảm, nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời. Có rất nhiều vấn đề, ngoài môi trường gia đình, không ở đâu có thể đáp ứng và giải quyết có hiệu quả hơn. Chỉ khi nào được sự êm ấm trong gia đình thì mỗi cá nhân mới thực sự yên tâm lao động và một trong những bất hạnh lớn nhất của con người là lâm vào cảnh vô gia cư, gia đình lục đục, tan nát hoặc cảnh nghèo đói, khốn cùng... Vì vậy, việc xây dựng gia đình mới là một trong những vấn đề quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nên phải chú ý hạt nhân cho tốt”.

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh

hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v... Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu gia đình:

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v... Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

Khi nghiên cứu về gia đình nhất thiết phải nghiên cứu về yếu tố kinh tế, văn hóa truyền thống, quy mô gia đình, xem trong mỗi gia đình có bao nhiêu con là hợp lý, nhằm đảm bảo phát triển cân đối và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước. Quy mô và kết cấu của gia đình như thế nào, ngoài những sự tác động của các nhân tố xã hội thì yếu tố trình độ dân trí, sự hiểu biết của mỗi cặp vợ chồng là quyết định. Mặt khác, khi nghiên cứu về gia đình, người ta cũng cần phải quan tâm đến vai trò và tính chất của người chủ gia đình người chủ ấy là ai, địa vị của họ trong xã hội ra sao?

Tóm lại gia đình là sản phẩm của lịch sử, là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được liên kết lại với nhau dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.

Gia đình có những chức năng cơ bản sau đây:

a. Chức năng tái sản xuất ra con người: sinh sản là một nhu cầu tự nhiên. Nếu không có hoạt động này thì xã hội loài người sẽ bị diệt vong. Nhưng sinh bao nhiêu là vừa, là đủ. Vấn đề này nó còn tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi giai đoạn lịch sử, tùy theo mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà có chiến lược phát triển dân số phù hợp. Nếu như vào đầu thời kì đồ đá mới (khoảng mười ngàn năm trước đây) các bộ lạc nguyên thủy chỉ xấp xỉ khoảng 1 triệu người được phân bố rải rác trên các lục địa. Đầu công nguyên dân số trên trái đất có chừng 150 - 200 triệu người. Năm 1000 sau công nguyên đã có gần 300 triệu người. Đến nay dân số trên thế giới đã lên đến con số báo động trên 6 tỷ người. Ở nhiều nước, tốc độ tăng dân số đến chóng mặt, nhất là ở các nước chậm phát triển, số sinh ra vượt quá mức so với sức sản xuất lương thực, về điều kiện nhà ở, về điều kiện y tế, giáo dục, về phúc lợi v.v... Theo báo cáo của Liên hợp quốc thì hiện nay có khoảng 40 triệu người đang sống trên miệng hố của sự chết đói, nhiều nước Á, Phi, Mĩ La tinh tuổi thọ thấp (trung bình 35 tuổi) sự thay thế của các thế hệ xảy ra nhanh. Tình hình đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Vì vậy, vấn đề bùng nổ dân số đang là vấn đề gay gắt đang được đặt ra không chỉ ở mỗi nước, mà còn là vấn đề chung của toàn nhân loại. Ở nước ta, để khắc phục tình trạng dân số tăng nhanh, trong khi nền kinh tế đang còn thấp, do đó chúng ta phải coi nhiệm vụ kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách xã hội. Theo thống kê 2004 người ta tính cứ 1 phút có 3 em bé chào đời, thì một năm tăng 1,2 triệu người, nếu so sánh giữa tăng trưởng kinh tế và mức độ tăng dân số như hiện nay đang là một vấn đề bức xúc. Vì vậy việc phân đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số kết hợp với việc tổ chức lại lao động, đất đai, ngành nghề làm cho mọi người lao động đều có việc làm đó là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa là nhiệm vụ

lâu dài nhằm đảm bảo sự phát triển cân đối về kinh tế - xã hội đem lại cuộc sống văn minh, hạnh phúc cho nhân dân.

b. Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống của gia đình: trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mỗi gia đình đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, mọi gia đình, mọi cá nhân đều có thể làm giàu chính đáng bằng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các gia đình công nhân viên chức cũng được khuyến khích tuy các loại gia đình này không trực tiếp kinh doanh, nhưng cũng có vai trò tác động đến sản xuất qua lĩnh vực tiêu dùng.

c. Chức năng giáo dục: nội dung giáo dục trong gia đình bao gồm cả về vật chất lẫn tinh thần, nó là trách nhiệm của các bậc cha mẹ và được thực hiện ở mọi chu trình sống của con người. Từ lúc còn ẵm ngửa, giai đoạn tuổi thơ, khi đã trưởng thành, lúc già cả... Ở từng chu trình ấy phải có những nội dung và hình thức giáo dục phù hợp. Nếu ở giai đoạn tuổi thơ là lời ru của mẹ, tấm gương sống và làm việc của người thân, những lời nhắc nhở của cha mẹ, giảng giải của ông bà và ngay cả trong sinh hoạt tình dục, sinh hoạt tiêu dùng cũng phải được giáo dục... "học ăn, học nói, học gói, học mở" "ăn trông nồi, ngồi trông hướng..." Trong chủ nghĩa xã hội, giáo dục của gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực trẻ, xây dựng con người mới có đạo đức, văn hóa có trí thức. Do đó, giáo dục con người phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội.

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý tình cảm: có nhiều vấn đề tâm, sinh lý chỉ có thể bộc lộ và giải quyết trong phạm vi gia đình với những người thân. Do đó sự hiểu biết tâm sinh lý, sở thích của nhau để phù hợp với mỗi thành viên là rất cần thiết.

Tóm lại, gia đình là thiết chế đa chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng trên mà có sự tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau, nhưng việc phân chia các chức năng cũng chỉ là tương đối. Nhiều khi, các chức năng được thực hiện tổng hợp trong một công việc hoặc nhiều hoạt động của gia đình. Ở từng nơi và các giai đoạn khác nhau, nội dung và vị trí của mỗi chức năng có sự biến đổi, nhưng dù ở đâu thời đại nào thì vai trò của người phụ nữ, mà trước hết là người vợ, người mẹ phải là trung tâm của tình cảm gia đình. Phụ nữ góp công sức nhiều nhất cho công việc của gia đình, giàu tình yêu và có ý thức hơn vì hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn hiện tượng đối xử không bình đẳng đã làm cho người phụ nữ phải gánh vác những công việc nặng nhọc trong gia đình và công việc xã hội.

Vai trò của gia đình:

Gia đình là một trong những hình thức biểu hiện trình độ phát triển của kinh tế - xã hội, nếu như trong xã hội nguyên thủy xuất hiện kiểu gia đình tập thể, hôn nhân cùng huyết thống, hôn nhân đối ngẫu và hôn nhân cặp đôi là do trình độ của lực lượng sản xuất còn quá thô sơ thấp kém. Nhưng đến chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản và xã hội chủ nghĩa thì về hình thức tổ chức, quy mô và kết cấu cũng như tính chất của gia đình cũng có sự khác nhau từ gia đình một vợ, một chồng bất bình đẳng sang gia đình một vợ, một chồng ngày càng bình đẳng hơn giữa nam và nữ, giữa các thành viên trong gia đình. Tất cả những bước tiến đó của gia đình đều phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế ở mỗi thời đại lịch sử.

Gia đình là tổ ấm thân yêu, là chiếc nôi nuôi dưỡng cả đời người từ khi còn là trẻ thơ cho đến khi khôn lớn, đến lúc về già có nơi nương tựa và sau những ngày lao động mệt nhọc là nơi nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, thoải mái tinh thần... Ở đó, hằng ngày diễn ra các quan hệ thiêng liêng sâu đậm giữa vợ chồng, cha con, anh em, những người đồng tâm, đồng cảm, nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời. Có rất nhiều vấn đề, ngoài môi trường gia đình, không ở đâu có thể đáp ứng và giải quyết có hiệu quả hơn. Chỉ khi nào được sự êm ấm trong gia đình thì mỗi cá nhân mới thực sự yên tâm lao động và một trong những bất hạnh lớn nhất của con người là lâm vào cảnh vô gia cư, gia đình lục đục, tan nát hoặc cảnh nghèo đói, khốn cùng... Vì vậy, việc xây dựng gia đình mới là một trong những vấn đề quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nên phải chú ý hạt nhân cho tốt".

Các chức năng cơ bản của gia đình:

Chức năng tái sản xuất ra con người, sinh đẻ là một nhu cầu tự nhiên của mỗi người, mỗi gia đình. Nó vừa là nhu cầu phát triển của xã hội, nếu không có hoạt động này thì xã hội loài người sẽ bị diệt vong. Nhưng sinh bao nhiêu là vừa, là đủ. Vấn đề này nó còn tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi giai đoạn lịch sử, tùy theo mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà có chiến lược phát triển dân số phù hợp. Nếu như vào đầu thời kì đồ đá mới (khoảng mười ngàn năm trước đây) các bộ lạc nguyên thủy chỉ xấp xỉ 1 triệu người ở rải rác trên các lục địa. Đầu công nguyên dân số trên trái đất có chừng 150 - 200 triệu người. Năm 1000 sau công nguyên có gần

300 triệu người. Đến nay dân số trên thế giới đã lên đến con số báo động trên 6 tỷ người. Ở nhiều nước, tốc độ tăng dân số nhất là ở các nước chậm phát triển, số sinh ra vượt quá mức so với sức sản xuất lương thực, về điều kiện nhà ở, về điều kiện y tế, giáo dục, về phúc lợi v.v... Theo báo cáo của Liên hợp quốc thì hiện nay có khoảng 40 triệu người đang sống trên miệng hố của sự chết đói, nhiều nước Á, Phi, Mĩ La tinh tuổi thọ thấp (trung bình 35 tuổi) sự thay thế của các thế hệ xảy ra nhanh. Tình hình đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Vì vậy, vấn đề bùng nổ dân số đang là vấn đề gay gắt cần được đặt ra và giải quyết không những ở mỗi nước, mà còn là vấn đề chung của toàn nhân loại. Ở nước ta, để khắc phục ảnh hưởng không tốt tình trạng dân số tăng nhanh, trong nền kinh tế còn thấp, chúng ta đang thực hiện cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Việc kế hoạch hóa gia đình là một yêu cầu khách quan hợp quy luật phát triển của nước ta. Nó là cơ sở cho việc đặt kế hoạch về dân số trên quy mô toàn xã hội. Đảng ta coi nhiệm vụ kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách xã hội. Theo thống kê 2004 người ta tính cứ 1 phút có 3 em bé chào đời, thì một năm tăng 1,2 triệu người, nếu so sánh giữa tăng trưởng kinh tế và mức độ tăng dân số như hiện nay đang là một vấn đề bức xúc. Vì vậy việc phấn đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số kết hợp với việc tổ chức lại lao động, đất đai, ngành nghề làm cho mọi người lao động đều có việc làm đó là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài nhằm đảm bảo sự phát triển cân đối về kinh tế - xã hội đem lại cuộc sống văn minh, hạnh phúc cho nhân dân.

Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống của gia đình, trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mỗi gia đình đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, mọi gia đình, mọi cá nhân đều có thể làm giàu chính đáng bằng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các gia đình công nhân viên chức cũng được khuyến khích tuy các loại gia đình này không trực tiếp kinh doanh, nhưng cũng có vai trò tác động đến sản xuất qua lĩnh vực tiêu dùng.

Chức năng giáo dục, nội dung giáo dục trong gia đình bao gồm cả về nuôi dưỡng, chăm lo giáo dục con cái cả về vật chất lẫn tinh thần là trách nhiệm của các bậc cha mẹ được thực hiện ở mọi chu trình sống của con người. Từ lúc còn ẵm ngửa, giai đoạn tuổi thơ, khi đã trưởng thành, lúc già cả... Ở từng chu trình ấy phải có những nội dung và hình thức giáo dục phù hợp. Nếu ở giai đoạn tuổi thơ là lời ru của mẹ, tấm gương sống và làm việc của người thân, những lời nhắn nhủ của cha mẹ, giảng giải của ông bà khi sắp trưởng thành... và ngay cả trong sinh hoạt tình dục, sinh hoạt tiêu dùng cũng phải được giáo dục...” học ăn, học nói, học gói, học mở” “ ăn trông nồi ngồi trông hướng...” Trong chủ nghĩa xã hội, giáo dục của gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực trẻ, xây dựng con người mới có đạo đức, văn hóa có trí thức. Do đó, giáo dục gia đình phải có sự giáo dục chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý tình cảm, có nhiều vấn đề tâm, sinh lý chỉ có thể bộc lộ và giải quyết trong phạm vi gia đình với những người thân. Do đó sự hiểu biết tâm sinh lý, sở thích của nhau để phù hợp với mỗi thành viên là rất cần thiết.

Tóm lại, gia đình là thiết chế đa chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng trên mà có sự tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau, nhưng việc phân chia các chức năng cũng chỉ là tương đối. Nhiều khi, các chức năng được thực hiện tổng hợp trong một công việc hoặc nhiều hoạt động của gia đình. Ở từng nơi và các giai đoạn khác nhau, nội dung và vị trí của mỗi chức năng có sự biến đổi, nhưng dù ở đâu thời đại nào thì vai trò của người phụ nữ, mà trước hết là người vợ, người mẹ phải là trung tâm của tình cảm gia đình. Phụ nữ góp công sức nhiều nhất cho công việc của gia đình, giàu tình yêu và có ý thức hơn vì hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn những tư tưởng lạc hậu và đối xử không bình đẳng đã làm cho người phụ nữ phải gánh vác những công việc nặng nhọc trong gia đình và công việc xã hội.

25. Phân tích những định hướng cơ bản của việc xây dựng gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay

Những định hướng cơ bản của việc xây dựng gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay cụ thể là:

Giữ gìn, phát huy văn hóa truyền thống, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, đồng thời tiếp thu văn hóa hiện đại có chọn lọc

Bên cạnh việc kế thừa những truyền thống, những giá trị tốt đẹp tình làng nghĩa xóm, tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu quê hương đất nước, dân tộc. Từng bước khắc phục, loại bỏ các giá trị không phù hợp như cục bộ theo họ tộc, cục bộ theo địa phương, những nghi lễ rườm rà, tốn kém trong ma chay, cưới hỏi. Sự bất bình đẳng về giới, và giữa các thế hệ. Trong điều kiện hiện nay, sự chuyển đổi hệ giá trị từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại đang đòi hỏi phải tiếp thu và chọn lọc các giá trị văn hóa của nhân loại. Những

giá trị văn hóa ấy chỉ có thể được chọn lọc, tiếp thu một khi các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống được bảo tồn, được phát huy những nội dung giá trị mới phù hợp với văn hóa và đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

Xây dựng gia đình xuất phát từ tình yêu chân chính:

- + Hôn nhân tự nguyện tiến bộ là hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính và nó nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ từ tình bạn chuyển sang tình yêu, quá trình đó họ tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng sẵn sàng chia sẻ, cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và họ cảm thấy không thể thiếu nhau.
- + Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn phải được pháp luật thừa nhận bằng tờ đăng ký kết hôn. Nhưng cũng không bác bỏ sự quan tâm, hướng dẫn của cha mẹ người thân trong gia đình.
- + Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn bao gồm tự do ly hôn khi tình yêu không còn nữa. Tuy nhiên, ly hôn dù bất cứ lý do nào thì hậu quả cũng hết sức nặng nề. Vì vậy, cần phải có sự hòa giải của các đoàn thể xã hội, của cộng đồng, làng xóm.

Xây dựng gia đình trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, thương yêu:

Cùng nhau chia sẻ, gánh vác công việc gia đình và xã hội. Vợ chồng phải có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt. Bố mẹ không được phân biệt đối xử với các con, phải tôn trọng và hướng dẫn những nhu cầu chính đáng của các con. Các con phải biết ơn, kính trọng, nghe lời khuyên nhủ của bố mẹ và không ngừng học hỏi vươn lên giữ vững truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ bố mẹ và các con trong gia đình thường có mâu thuẫn và sự khác biệt giữa các thế hệ là điều khó tránh khỏi. Do đó, phải tìm ra hướng giải quyết để những mâu thuẫn của sự khác biệt ấy không dẫn tới xung đột.

Trong gia đình, cần xây dựng những mối quan hệ tốt giữa anh chị em với nhau. Nếu là những gia đình có nhiều thế hệ, phải chú ý đến những mối quan hệ khác như ông bà và cháu chắt; bố mẹ chồng và con dâu; bố mẹ vợ và chàng rể; chú bác, cô dì và các cháu... Các quan hệ này cũng được xây dựng trên tinh thần bình đẳng, tình thương và có trách nhiệm để cho gia đình êm ấm, trở thành tế bào lành mạnh của xã hội.

d. Xây dựng gia đình phải gắn liền với cộng đồng, với các thiết chế xã hội:

Đoàn kết, tương trợ thương yêu đùm bọc nhau là một giá trị văn hoá truyền thống lâu đời của người Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng gia đình mới cần phải biết giữ gìn phát huy truyền thống ấy. Trên cơ sở đó mà xây dựng bổ sung thêm những quy ước, quy chế dân chủ trong mỗi làng xã, trong mỗi gia đình. Đó chính là một phương hướng quan trọng trong việc xây dựng gia đình mới ở nước ta,

26. Hãy trình bày những nội dung chủ yếu xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay

Để có được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc ở Việt Nam hiện nay, phải dựa trên các cơ sở sau đây:

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo đi đôi với tăng cường chăm lo phúc lợi xã hội, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, kết hoạch hoá gia đình.

Giải phóng phụ nữ và phát huy truyền thống phụ nữ trong gia đình, xã hội được là thước của sự tiến bộ xã hội.

- + Trong nghiên cứu khoa học phục vụ hôn nhân và gia đình hiện nay, bên cạnh nghiên cứu giữ gìn phát huy gia đình truyền thống, cần chú ý hơn nữa đến mô hình gia đình hiện đại, sự kế thừa, tiếp thu và dung nạp những giá trị tiến bộ của thời đại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Giữ gìn, phát huy văn hóa truyền thống, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, đồng thời tiếp thu văn hóa hiện đại có chọn lọc

Bên cạnh việc kế thừa những truyền thống, những giá trị tốt đẹp tình làng nghĩa xóm, tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu quê hương đất nước, dân tộc. Từng bước khắc phục, loại bỏ các giá trị không phù hợp như cục bộ theo họ tộc, cục bộ theo địa phương, những nghi lễ rườm rà, tốn kém trong ma chay, cưới hỏi. Sự bất bình đẳng về giới, và giữa các thế hệ. Trong điều kiện hiện nay, sự chuyển đổi hệ giá trị từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại đang đòi hỏi phải tiếp thu và chọn lọc các giá trị văn hóa của nhân loại. Những giá trị văn hóa ấy chỉ có thể được chọn lọc, tiếp thu một khi các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống được bảo tồn, được phát huy những nội dung giá trị mới phù hợp với văn hóa và đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

Xây dựng gia đình xuất phát từ tình yêu chân chính:

- + Hôn nhân tự nguyện tiến bộ là hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính và nó nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ từ tình bạn chuyển sang tình yêu, quá trình đó họ tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng sẵn sàng chia sẻ, cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và họ cảm thấy không thể thiếu nhau.
- + Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn phải được pháp luật thừa nhận bằng tờ đăng ký kết hôn. Nhưng cũng không bác bỏ sự quan tâm, hướng dẫn của cha mẹ người thân trong gia đình.

+ Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn bao gồm tự do ly hôn khi tình yêu không còn nữa. Tuy nhiên, ly hôn dù bất cứ lý do nào thì hậu quả cũng hết sức nặng nề. Vì vậy, cần phải có sự hòa giải của các đoàn thể xã hội, của cộng đồng, làng xóm.

Xây dựng gia đình trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, thương yêu:

Cùng nhau chia sẻ, gánh vác công việc gia đình và xã hội. Vợ chồng phải có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt. Bố mẹ không được phân biệt đối xử với các con, phải tôn trọng và hướng dẫn những nhu cầu chính đáng của các con. Các con phải biết ơn, kính trọng, nghe lời khuyên nhủ của bố mẹ và không ngừng học hỏi vươn lên giữ vững truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ bố mẹ và các con trong gia đình thường có mâu thuẫn và sự khác biệt giữa các thế hệ là điều khó tránh khỏi. Do đó, phải tìm ra hướng giải quyết để những mâu thuẫn của sự khác biệt ấy không dẫn tới xung đột.

Trong gia đình, cần xây dựng những mối quan hệ tốt giữa anh chị em với nhau. Nếu là những gia đình có nhiều thế hệ, phải chú ý đến những mối quan hệ khác như ông bà và cháu chắt; bố mẹ chồng và con dâu; bố mẹ vợ và chàng rể; chú bác, cô dì và các cháu... Các quan hệ này cũng được xây dựng trên tinh thần bình đẳng, tình thương và có trách nhiệm để cho gia đình êm ấm, trở thành tế bào lành mạnh của xã hội.

d. Xây dựng gia đình phải gắn liền với cộng đồng, với các thiết chế xã hội:

Đoàn kết, tương trợ thương yêu đùm bọc nhau là một giá trị văn hoá truyền thống lâu đời của người Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng gia đình mới cần phải biết giữ gìn phát huy truyền thống ấy. Trên cơ sở đó mà xây dựng bổ sung thêm những quy ước, quy chế dân chủ trong mỗi làng xã, trong mỗi gia đình. Đó chính là một phương hướng quan trọng trong việc xây dựng gia đình mới ở nước ta,

Để có được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc ở Việt Nam hiện nay, phải dựa trên các cơ sở sau đây:

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo đi đôi với tăng cường chăm lo phúc lợi xã hội, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, kết hoạch hoá gia đình.

Giải phóng phụ nữ và phát huy truyền thống phụ nữ trong gia đình, xã hội được là thước của sự tiến bộ xã hội.

+ Trong nghiên cứu khoa học phục vụ hôn nhân và gia đình hiện nay, bên cạnh nghiên cứu giữ gìn phát huy gia đình truyền thống, cần chú ý hơn nữa đến mô hình gia đình hiện đại, sự kế thừa, tiếp thu và dung nạp những giá trị tiến bộ của thời đại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

27. Nêu và phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người và con người xã hội chủ nghĩa ?

Các quan niệm trước Mác về con người:

Từ trước đến nay, kể cả ở Phương Đông và Phương Tây chưa có học thuyết nào làm sang về bản chất của con người, mà chỉ mới một phần nào làm hé mở được những yếu tố thuộc về bản chất của con người. Song vẫn chưa được hoàn hảo, thậm chí có một số lý thuyết còn mang tính hoang đường và lạc hậu.

Trên cơ sở kế thừa phát triển những tư tưởng của nhân loại, đặc biệt là những tiến bộ của khoa học tự nhiên vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Chủ nghĩa Mác khẳng định: “bản chất của con người là một thực thể tự nhiên, một cấu trúc sinh học mang bản chất xã hội”.

Con người là một thực thể tự nhiên, là một bộ phận của tự nhiên. Do đó, con người cũng bị những quy luật tự nhiên chi phối. Nhưng con người khác với con vật là ngay cả như những hành vi có tính bản năng như ăn, ở và giải quyết các vấn đề sinh lý... ở con người cũng khác hẳn đối với loài vật. Chính vì thế, những quan niệm thô thiển coi con người chỉ là một loài vật giống như mọi loài động vật khác chỉ là luận điệu nhằm bênh vực che đậy cho những hành vi mất tính người.

Bản chất xã hội của con người được biểu hiện trong mối quan hệ cá nhân gắn bó với đồng loại đến mức không thể tách rời, đồng thời lại là những cá nhân không ai giống ai. Xã hội càng phát triển thì mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân càng trở nên bền vững, nhưng mặt khác mỗi con người càng tách biệt thành những cá nhân độc lập. Vì vậy, sự nghiệp giải phóng con người còn bao hàm cả việc giải phóng cá nhân khỏi áp bức, bóc lột để họ được sống tự do, bình đẳng tự do hạnh phúc.

Tính xã hội của con người còn được biểu hiện, con người là một phần tử của một giai cấp nhất định và thông qua giai cấp mà các cá nhân từng bước nhận rõ lợi ích riêng của các cá nhân chỉ được thực hiện khi kết hợp với lợi ích chung của giai cấp. Đồng thời, mỗi cá nhân con người còn mang tính nhân loại và luôn hướng tới các giá trị nhân loại.

+ Tính xã hội của con người còn được biểu hiện ở mỗi một thời đại lịch sử đều có một mẫu người do yêu cầu của chế độ chính trị xã hội đã nhào nặn nên. Ví dụ: con người thời nô lệ là sống cam chịu, con người phong kiến là trung quân ái quốc, quân sử thần tử, con người tư bản là trả tiền ngay, tiền trao cháo múc lạnh lùng.

Chính vì vậy Hồ Chủ tịch đã nói: “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người chủ nghĩa xã hội”

Quan niệm về con người xã hội chủ nghĩa :

Dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tiếp thu những giá trị truyền thống của dân tộc, căn cứ vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đảng ta đã đề ra chiến lược xây dựng mô hình con người mới, con người xã hội chủ nghĩa gồm có những đặc trưng sau:

Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đầy đủ trình độ, ý thức và năng lực làm chủ về kinh tế, chính trị và xã hội v. .v...

Con người xã hội chủ nghĩa là con người lao động mới, có ý thức về công việc mà mình đang đảm nhận, lao động có ý thức kỷ luật, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, biết đánh giá chất lượng lao động, hiệu quả lao động của bản thân.

Con người xã hội chủ nghĩa là con người sống hiếu thảo với cha mẹ ông bà, có tình nghĩa với anh em, bạn bè và mọi người xung quanh. Tự ý thức được vai trò vị trí của mình trong từng mối quan hệ xã hội và giải quyết đúng đắn được những mối quan hệ đó. Có ý thức nâng cao trình độ trình độ tri thức về mọi mặt, rèn luyện sức khỏe, đảm bảo phát triển toàn diện cá nhân.

Con người xã hội chủ nghĩa là con người giàu lòng yêu nước, thương dân, có tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng loại, sống nhân văn, nhân đạo, có ý thức và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những thành quả cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

28. Nguồn lực con người là gì? Vai trò, vị trí nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội? Các nguồn lực có thể khai thác như:

- + Nguồn lực tự nhiên
- + Nguồn lực khoa học - công nghệ
- + Nguồn lực tài chính
- + Nguồn lực từ nước ngoài
- + Nguồn lực con người

Trong tất cả các nguồn lực nói trên thì nguồn lực con người là cơ bản nhất, bởi lẽ những nguồn lực khác muốn khai thác có hiệu quả đều phải phụ thuộc vào trình độ năng lực của con người và một khi đã đưa vào khai thác sử dụng thì ngày càng hao hụt cạn kiệt. Nhưng nguồn lực con người đặc biệt là trí tuệ càng khai thác thì càng phát triển. Theo số liệu khảo sát, con người có khoảng 15 tỷ neuron thần kinh, trong suốt cuộc đời của một con người chỉ mới sử dụng khoảng 2%, số còn lại đang ở dạng tiềm năng, vì vậy trong thế kỷ 21 con người đang là đối tượng khai thác của chính mình.

Nguồn nhân lực về xã hội, tức là nói về chế độ chính trị và môi trường xã hội nơi con người sinh sống. Nếu môi trường thuận lợi thì con người sẽ phát huy được năng lực ở mức độ tối đa; ngược sẽ bị kiềm hãm. Vì vậy, việc đề ra những giải pháp nhằm để phát huy tính năng động sáng tạo của mỗi con người nó vừa là một giải pháp cơ bản, lâu dài vừa là giải pháp có ý nghĩa tình thế.

Nguồn nhân lực cũng là nói về quy mô dân số. Dân số già hay trẻ, ít hay nhiều, cơ cấu độ tuổi, sự tiếp nối nhau giữa các thế hệ, giới tính, sự phân bố dân cư giữa các vùng, các miền của đất nước, giữa các ngành kinh tế, giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nguồn lực con người còn là sự bao hàm cả về thể lực, trí tuệ, tay nghề, trình độ năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương đất nước, ý thức chính trị... Trong các yếu tố trên thì phẩm chất đạo đức và trình độ học vấn, tay nghề là quan trọng nhất. Nó nói lên mức trưởng thành của con người, nhân cách, lối sống, xã hội. Vì vậy, xã hội muốn phát triển nhanh bền vững thì phải quan tâm đến đào tạo nguồn lực con người. Vậy, nguồn lực con người là gì?

Theo ngân hàng thế giới: Nguồn lực con người là toàn bộ vốn người, bao gồm cả thể lực, trí lực kỹ năng, nghề nghiệp v. v... mà mỗi cá nhân sở hữu và có thể huy động được vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh hay trong một hoạt động nào đó...

Từ khái niệm trên chúng ta có thể hiểu: nguồn lực con người là bao gồm tất cả các yếu tố như là về thể chất, ý thức chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn và vị thế xã hội, v. v... Nó tạo nên năng lực của mỗi con người và được huy động, được tập hợp lại thành một sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, dân tộc vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

Vai trò nguồn nhân lực trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng: người lao động trong mọi thời đại đều là chủ thể trong lao động sản xuất, đặc biệt là trong chủ nghĩa xã hội, họ phải là người được làm chủ những tư liệu sản xuất và

phải được đào tạo có bài bản kiến thức chuyên môn, quản lý kinh tế thì mới có đủ trình độ để khai thác tiềm năng tài nguyên có hiệu quả.

Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị:

Khi bàn về xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Bác Hồ đã nói “chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện dân làm chủ xã hội bằng việc chính họ là người lựa chọn, đề cử những người có đủ đức, đủ tài giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan chính quyền các cấp, đó phải là những người giỏi về lý luận, sâu sát với cơ sở, hiểu biết thực tiễn, thấy được trách nhiệm của mình đối với nhân dân, hết lòng vì nhân dân và thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân thì việc gì khó khăn mấy dân cũng làm được”.

Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hoá:

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin quan niệm, quần chúng lao động là người đã góp phần xây dựng sáng tạo lên những công trình văn hoá, các tác phẩm nghệ thuật. Do đó, dưới chủ nghĩa xã hội vai trò ấy lại càng được nâng cao, cũng như tạo điều kiện để quần chúng biết thưởng thức, bảo vệ truyền thống văn hoá dân tộc và biết tiếp thu những tinh hoa nghệ thuật quốc tế, loại bỏ những yếu tố không phù hợp để làm giàu cho nền văn hoá dân tộc mình, làm cho đời sống tinh thần cá nhân thêm phong phú.

Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực xã hội:

Những vấn đề xã hội bao gồm: việc làm, công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo, v. v... Muốn giải quyết những vấn đề này cần phải có sự quan tâm của toàn xã hội.

Tóm lại, nguồn nhân lực không khai thác, không phát huy được là lãng phí lớn nhất. Đặc biệt là đối với đội ngũ tri thức càng hoạt động, càng nghiên cứu, càng làm việc thì trí tuệ của họ càng phong phú, nhạy bén sâu sắc. Nước ta đang còn là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, thì việc phát huy nguồn lực con người để xây dựng đất nước càng trở nên quan trọng.

29. Hãy nêu và phân tích những thành tựu và những hạn chế trong phát huy nguồn lực con người Việt Nam trong những năm qua ?

Những kết quả đạt được:

Sau cách mạng tháng 8/1945, nền giáo dục cách mạng Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, Từ chỗ 95% dân số mù chữ; đến nay đã có 95% dân số biết chữ. Hệ thống giáo dục ngày càng hoàn thiện. Trước cách mạng tháng tám cả nước chỉ có ba trường trung học phổ thông, nay đã có trên 80.000 trường với hơn 800.000 giáo viên từ mầm non đến đại học, trên đại học, đang góp phần đào tạo nguồn lực bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc chăm sóc sức khỏe cho các tầng lớp nhân dân cũng đã được quan tâm đến tận vùng sâu, vùng xa. Tuổi thọ trung bình là 78. Thể của người Việt Nam đã được cải thiện hơn trước.

Những hạn chế của việc phát huy nguồn nhân lực ở Việt Nam.

Do nhận thức, có giai đoạn chúng ta tuyệt đối tính xã hội của con người, coi nhẹ mặt tự nhiên, chưa quan tâm tới nhu cầu vật chất, chưa thật sự chú ý tới lợi ích cá nhân người lao động. Có lúc đã đồng nhất lợi ích cá nhân với chủ nghĩa cá nhân, đề cao quá mức tính giai cấp, coi nhẹ tính nhân loại không chú ý kế thừa những giá trị truyền thống dân tộc, ít chú ý tới giáo dục gia phong cho con cái. Vì thế, dẫn đến những khiếm khuyết về nhân cách, cho nên đã có một bộ phận thanh niên không chịu học tập rèn luyện, thiếu quyết tâm phấn đấu vươn lên tu thân lập nghiệp, nghiện hút, cờ bạc len lỏi vào bộ máy Nhà nước, một bộ phận cán bộ có chức có quyền đã lợi dụng quyền hạn để tham nhũng cửa quyền, vi phạm quyền dân chủ của công dân; làm biến dạng nhân cách con người, để cho không ít kẻ cơ hội, hữu khuynh chui vào tổ chức Đảng, Nhà nước đang tác động không nhỏ tới niềm tin của thế hệ trẻ hôm nay.

Trong giáo dục đào tạo, phương pháp giáo dục chưa kích thích được tính sáng tạo của người học, chưa gắn lý luận với cuộc sống, cho nên không ít sinh viên sau khi ra trường khó xin việc, bỏ nghề, gây lãng phí cho gia đình, xã hội. Cơ cấu đào tạo giữa các ngành, giữa các bậc học chưa hợp lý, dẫn tới tình trạng thừa thừa, thừa thiếu cán bộ như hiện nay. Nhìn chung việc đào tạo, sử dụng cán bộ hiện nay còn nhiều bất cập. Tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên đang tạo sức ép lớn cho xã hội. Những hạn chế đó là do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, nước ta là nước nông nghiệp, năng suất lao động còn rất thấp, đời sống của nhân dân còn rất nhiều khó khăn, tình trạng nghèo đói còn tồn tại trong một bộ phận dân cư, việc chăm sóc đảm bảo cho những điều kiện cho con người phát triển toàn diện còn hạn chế.

Thứ hai, trải qua nhiều năm chiến tranh, dồn sức người sức của để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước chúng ta không có điều kiện chăm sóc cho con người, mặt khác hậu quả chiến tranh còn để lại rất nặng nề ngày nay vẫn phải tiếp tục khắc phục.

Thứ ba, những tập quán, thói quen của người sản xuất nhỏ như thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, cách nhìn thiên cận, tâm lý tự ti, tính vị kỷ, cục bộ địa phương, gia trưởng trong giáo dục, cũng như khi đánh giá con người, v.v...

Thứ tư, trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, một mặt cũng tạo ra những tác động tích cực, mặt khác cũng ảnh hưởng tiêu cực như: lối sống thực dụng, chạy chức, chạy quyền, vì tiền mà không ít người có thể làm mọi việc bất chấp luân thường đạo lý. Điều đó gây ra những tác động xấu trong xã hội.

Thứ năm, đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém, bất cập, tình trạng tiêu cực trong giáo dục còn đang phổ biến ở nhiều nơi, chất lượng giáo viên còn hạn chế đang ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo, trực tiếp ảnh hưởng tới việc phát huy nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Thứ sáu, những yếu kém trong quản lý Nhà nước, hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, tính gia trưởng, bảo thủ trong một số cán bộ có chức có quyền, tâm lý đố kỵ, ghen ghét với những người có năng lực của một số người đang làm hạn chế phát huy nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay.

30. Phân tích những phương hướng, giải pháp phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện nay?

Phương hướng:

Một là, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà thực chất là chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc. Nó có tác dụng vừa làm thay đổi thói quen của nền sản xuất nhỏ, vừa tạo điều kiện để nâng cao mức sống nhân dân. Đồng thời nó cũng đặt ra những thách thức buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị đào thải khỏi dây chuyền sản xuất. Có thể nói đây là môi trường tốt nhất để bồi dưỡng nguồn lực con người và đến lượt con người sẽ là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hai là, từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách xã hội, với mục đích nhằm nâng cao năng suất lao động, công bằng trong phân phối, tạo điều kiện cho người lao động học tập phấn đấu, cống hiến sức mình cho xã hội góp phần vào phát triển kinh tế đất nước.

Ba là, từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý trên cơ sở nhân dân lao động là người làm chủ kinh tế, chính trị, văn hoá tư tưởng... Do vậy, xã hội phải tạo ra những điều kiện cho người lao động tham gia tích cực vào công việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, thông qua đó mà họ tích cực góp tài năng, trí tuệ cho xã hội.

Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay:

Thứ nhất, trong lĩnh vực kinh tế: nhanh chóng thực hiện giao đất, giao rừng cho nông dân, tạo điều kiện cho người lao động làm chủ tư liệu sản xuất ở mọi thành phần kinh tế. Phát động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, của doanh nghiệp, của đơn vị, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trên cơ sở thực hiện phân phối công bằng, dân chủ, công khai. động viên mọi người dân bỏ vốn sản xuất kinh doanh, khai thác thế mạnh của địa phương, phát triển ngành nghề truyền thống, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy trình độ tay nghề, năng lực quản lý kinh doanh của mỗi thành viên trong xã hội để cùng với Nhà nước giải quyết những khó khăn của đất nước. Giáo dục đạo đức, khơi dậy lương tâm nghề nghiệp, nêu cao trách nhiệm của mỗi người trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Cần làm cho mọi người thấy được trách nhiệm của mình là phải lao động nghiêm túc, có chất lượng, có hiệu quả, tạo ra hàng hoá tốt, nâng cao chất lượng dịch vụ. Điều đó vừa tạo điều kiện cho xã hội phát triển, vừa là điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Phê phán mạnh mẽ thói lười biếng, làm bừa, làm ẩu, ngăn chặn làm ăn phi pháp, phi đạo lý.

Thứ hai, trong lĩnh vực chính trị: nâng cao trình độ nhận thức cho mọi người để họ có thể tham gia có hiệu quả vào các công việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị như kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng để người dân thực sự là người làm chủ đất nước.

Thứ ba, trên lĩnh vực xã hội: Từng bước khắc phục đi tới loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, những quan hệ không bình đẳng, xây dựng quan hệ mới giữa người với người trên tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, trong đời sống xã hội. Xây dựng quan hệ bình đẳng, hữu nghị giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa các quốc gia. Có biện pháp làm giảm dần khoảng cách chênh lệch trên mọi lĩnh vực giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng lãnh thổ. Quan tâm tới những hộ nghèo, những gia đình khó khăn, những hộ chính sách xã hội, những vùng sâu, vùng xa tạo ra cơ hội phát triển cho mọi người, làm cho

mọi người dân đều được hưởng những thành quả y tế, giáo dục văn hoá... Thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo; tập trung giải quyết việc làm cho người lao động; trên cơ sở đó, người lao động mới có điều kiện nâng cao trình độ tri thức, trình độ tay nghề, mới có môi trường rèn luyện phấn đấu, cống hiến sức mình cho đất nước, cho xã hội.

Thứ tư, trên lĩnh vực giáo dục vào đào tạo. Phải xem “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” đáp ứng như cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá. Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và gia đình phải quan tâm tới giáo dục hơn nữa. Nội dung giáo dục phải phản ánh được những tri thức của thời đại, những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, phải giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, phương pháp dạy phải kích thích được tính sáng tạo của người học. Phương pháp học phải độc lập tự chủ, biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích và giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đang đặt ra nhằm rút ngắn khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới. Do vậy, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

Thứ năm, trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật: phải xem văn hoá nghệ thuật là nhằm phục vụ tốt cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; đã động viên được nhân dân tích cực tham gia trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, do đó văn hoá nghệ thuật phải tích cực tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, vì vậy phải có thái độ phê phán nghiêm khắc một số văn nghệ sĩ trí thức đi lệch hướng, chạy theo thị hiếu thấp hèn, dễ dãi của một bộ phận thanh niên thiếu giáo dục. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, phê phán những tư tưởng phản động đang tìm cách phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, “nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo nên sự thống nhất hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống”.

Trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đòi hỏi nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ, phải nâng cao trách nhiệm của mình trong sáng tác, biểu diễn, không vì đồng tiền mà bán rẻ lương tâm, vô trách nhiệm với đất nước.

Phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý của Nhà nước trong hoạt động sáng tác, biểu diễn làm cho văn học nghệ thuật phải trở thành vũ khí, phương tiện cổ vũ cho cái hay, cái đẹp, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao những giá trị nhân văn, phát huy những giá trị tốt đẹp trong con người Việt Nam.

31. Để phát huy nguồn lực con người ở Việt nam hiện nay, thanh niên, sinh viên nước ta cần phải làm gì? Vì sao lại như vậy?

Theo ngân hàng thế giới: Nguồn lực con người là toàn bộ vốn người, bao gồm cả thể lực, trí lực kỹ năng, nghề nghiệp v. v... mà mỗi cá nhân sở hữu và có thể huy động được vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh hay trong một hoạt động nào đó...

Từ khái niệm trên chúng ta có thể hiểu: nguồn lực con người là bao gồm tất cả các yếu tố như là về thể chất, ý thức chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn và vị thế xã hội, v. v... Nó tạo nên năng lực của mỗi con người và được huy động, được tập hợp lại thành một sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, dân tộc vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

Trong tất cả các nguồn lực, nguồn lực có thể khai thác như:

- + Nguồn lực tự nhiên
- + Nguồn lực khoa học - công nghệ
- + Nguồn lực tài chính
- + Nguồn lực từ nước ngoài
- + Nguồn lực con người

Trong đó, nguồn lực con người là cơ bản nhất, bởi lẽ những nguồn lực khác muốn khai thác có hiệu quả đều phải phụ thuộc vào trình độ năng lực của con người và một khi đã đưa vào khai thác sử dụng thì ngày càng hao hụt cạn kiệt. Nhưng nguồn lực con người đặc biệt là trí tuệ càng khai thác thì càng phát triển. Theo số liệu khảo sát, con người có khoảng 15 tỷ neuron thần kinh, trong suốt cuộc đời của một con người chỉ mới sử dụng khoảng 2%, số còn lại đang ở dạng tiềm năng, vì vậy trong thế kỷ 21 con người đang là đối tượng khai thác của chính mình.

Đất nước ta giàu về tài nguyên khoáng sản nhưng chưa có điều kiện để khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá đó là do chúng ta phải tập trung cho chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền của đất nước. Ngày nay chúng ta đã có độc lập tự do, nhiệm vụ mới là phải xây dựng đất nước ta to đẹp đàng hoàng đúng như Bác Hồ mong đợi “đất nước ta có thể sánh vai cùng với các cường quốc năm châu hay không chính là nhờ vào công

lao học tập của các cháu” vì vậy lao động ngày nay phải có tri thức, do đó phải ra sức học tập nâng cao trình độ, rèn luyện đạo đức cả về thể lực, trí tuệ, tay nghề, trình độ năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương đất nước, ý thức chính trị... Trong các yếu tố trên thì phẩm chất đạo đức và trình độ học vấn, tay nghề là quan trọng nhất. Nó nói lên mức trưởng thành của con người, nhân cách, lối sống, xã hội. Vì vậy, xã hội muốn phát triển nhanh bền vững thì phải quan tâm đến đào tạo nguồn lực con người. phải gắn đào tạo nguồn nhân lực với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà thực chất là chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc. Nó có tác dụng vừa làm thay đổi thói quen của nền sản xuất nhỏ, vừa tạo điều kiện để nâng cao mức sống nhân dân. Đồng thời nó cũng đặt ra những thách thức buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị đào thải khỏi dây chuyền sản xuất. Có thể nói đây là môi trường tốt nhất để bồi dưỡng nguồn lực con người và đến lượt con người sẽ là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.